



ĐẠI ĐẠO DANH NHÂN

**Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc
(Soạn giả: HT Trần Văn Rạng)**

Lời giới thiệu Của NGÀI CẢI TRẠNG

XLTV Văn Phòng Chương Quản, BAN THẾ ĐẠO

Kính quý liệt chư tôn độc giả,

Quyển “ĐẠI ĐẠO DANH NHÂN” do vị Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG, Trưởng Nhiệm Văn Hóa Ban Quản Nhiệm Trung Ương Ban Thế Đạo soạn thảo, ghi lại những gương hy sinh cao cả, những đức tánh vị tha của các bậc tiền bối đã dày công khai nguyên nền Đại Đạo.

Khai Đạo giữa một lãnh thổ mà toàn dân đang bị thống trị dưới ách đô hộ, phải chăng thiên ý muốn trưng dụng những lá gan anh tuấn, làm tiêu biểu cho cuộc cách mạng tinh thần, để cứu dân cứu nước Việt Nam này thoát ách, nước có độc lập, người có tự do, thì nền quốc túy là mảnh tâm điền để gieo trồng Thánh cốc, ấy là Đạo.

Xem lịch sử cổ kim, khi dân trí tiến bộ, nhờ các bậc hào hùng đứng lên khởi nghĩa mới tranh thủ lại chủ quyền dân tộc, nay nước Việt Nam nhờ ơn Trời chiếu hộ, dụng phương châm đạo đức tinh thần để tránh những xáo trộn đau thương, nhưng những ai đã đứng vào hàng lãnh đạo, làm sao tránh khỏi những khủng bố tù đầy mà các bậc ân nhân tiền bối chúng ta có cơ hội lưu lại ngày nay những bức tranh sáng, những tấm gương trong, cho hậu tấn soi đường.

Quý độc giả sẽ có dịp xem qua trong quyển ĐẠI ĐẠO DANH NHÂN này, những đoạn thanh sử, mặc dù chưa phải đầy đủ với lịch sử của các Đấng, nhưng cũng được am tường các nét đại cương để chúng ta ghi nhớ tri ân những bậc tiền bối.

Tòa Thánh, ngày 24 tháng 10 năm Canh Tuất.
(22/11/1970)

**Cải Trạng Hiệp Thiên Đài
NGUYỄN VĂN HỘI**

Đề Từ của Soạn Giả

Bất cứ một tôn giáo, một hội đoàn hay một đảng phái nào, các môn đồ, các đoàn viên đều trông theo gương hành động và sự nghiệp của giới lãnh đạo mà noi theo.

Đời sống, đức tánh của các hàng giáo lãnh còn quan trọng hơn vì lãnh đạo tinh thần của nhân sanh mà Đấng Thượng Đế tối cao phó thác. Nhằm trong ý niệm đó, mong cống hiến đồng Đạo ít nhiều các gương hy sinh, đời hành đạo của các bậc nhiều công trong việc khai nguyên Đạo Cao Đài. Tôi nguyện làm viên gạch đầu tiên để xây thành tri tiểu sử các bậc Thánh nhân, mạo muội viết thành quyển “ĐẠI ĐẠO DANH NHÂN” này. Và lòng hằng nguyện các Đấng và chư Chơn quân quá vãng giúp môn đệ có đủ thông minh và kiên nhẫn hoàn thành lời ước.

Tập sách nhỏ này chỉ tóm lược những nét đại cương cuộc đời hành giáo của chư vị tiền bối, đúng mức phải dành cho mỗi vị một quyển sách riêng.

Kính mong chư Chức sắc và quý đồng Đạo chỉ giáo cho những điểm sơ lầm. Tôi cũng thành thật cảm ơn quý vị hảo tâm đã chung góp tiền ấn tống quyển sách này.

Tam Tê Anh Vào Hạ 70

Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG

Chương I HIỆP THIÊN ĐÀI

**Đức Hộ Pháp
PHẠM CÔNG TẮC**

I/- PHẦN ĐỜI

1/- Thuở Thiểu Thời.

Vào tiết Đoan Ngọ (5-5) năm Canh Dần (21-06-1890), bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, thuộc làng Bình Lập, tại Tỉnh lỵ Tân An (nay là Long An), một chơn linh giáng lâm trong gia đình ông Phạm Công Thiện, một công chức. Đó là Phạm Công Tắc¹ Ngài sanh nhằm năm Thành Thái thứ hai. Lúc bấy giờ, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp cai trị. Vì thế, Nam Kỳ coi như một phần lãnh thổ của Pháp. Phủ Thống đốc Nam Kỳ đặt tại Sài Gòn.

1- Theo giấy tờ hộ tịch thì Ngài sanh tại Bình Lập, và cũng được xác nhận trong quyển “Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc” xuất bản năm 1954 lúc Ngài còn sanh tiền.

Ông Phạm Công Thiện kết hôn với bà La Thị Đường, sanh được 8 người con mà Ngài Phạm Công Tắc là người con thứ tám. Song thân Ngài trước ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Vì là công chức, ông Phạm Công Thiện về sau được đổi đến Long An.



PHẠM CÔNG TẮC

Thưở thiếu thời Ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khỏe mạnh, tư chất thông minh đỉnh ngộ. Có điều lạ, vì sanh nhằm ngày Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên thai, nên thỉnh thoảng Ngài ngủ thiếp đi như người chết, linh hồn lạc khuất đâu đâu, khiến cho huyền đường lo âu, nhất là bà cụ cô tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc. Cảnh trạng Ngài chết đi sống lại như thế, cả làng xã đều biết ² Người ta cố gắng lo thuốc thang cho Ngài, nhưng vốn tiền định, lâu lâu Ngài ngủ lịm đi đôi ba giờ, có khi kéo dài nửa ngày.

Năm 1896, đến tuổi cấp sách đến trường tiểu học, có lúc học chữ Nho rồi sau theo học trường Chasseloup-Laubat (nay là trường Jean-Jacques Rousseau, đường Hồng thập tự, Sài Gòn). Bằng hữu ai cũng thích Ngài, vì tánh tình khoan hòa, ưa hoạt động, nhất là nhiều sáng kiến, bày biện các cuộc chơi, hay đánh đổ một vài nhân vật trong lịch sử nước Pháp. Việc này khiến cho các bạn ái ngại xa lánh Ngài. Từ đó, Ngài cảm thấy cô đơn, nhiều câu tự vấn : Tại sao nước Pháp có nhiều anh hùng? Nhìn lại quê hương Việt Nam thì rách nát, Pháp phân chia để trị. Bắc kỳ và Trung kỳ là hai xứ bảo hộ, nhà vua có đó như bù nhìn. Viên Toàn Quyền Pháp là chúa tể, nắm tất cả quyền hành. Việt Nam là người, mà người Pháp cũng là người, tại sao người Nam cuối đầu nô lệ, chịu nhục. Mỗi hồn vong quốc bùng sôi trong huyết quản của tuổi trẻ Ngài.

Hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ hết sức sôi động. Triều đình Huế, vua Thành Thái (1889-1907) bị phế (3-9-1907), vua Duy Tân (1907-1916) lên kế vị (8/9/1907), nhưng từ bỏ ngôi hợp với Trần Cao Vân chống Pháp và bị bắt (6/5/1916). Theo sách Việt sử của Trần Văn Rạng (ấn hành năm 1963) diễn tả lại việc Pháp bắt nhà vua như sau:

“Le Fol cất nón chào nhà vua :

-Thế nào, Hoàng Thượng ngự giá đến đây là hết rồi chứ ?

Vua Duy Tân nhún vai rồi đáp bằng tiếng Pháp :

Các ông chẳng hiểu được đâu (Vous ne pouvez pas comprendre).

Viên Khâm sứ Charles mỉm cười bắt tay Ngài :

-Bệ hạ bằng lòng cuộc du ngoạn chứ ?

2- Nhật báo Điện tín ra ngày 9/9/1971 có đăng tin : “Một thiếu niên 19 tuổi sau khi đỗ Tú tài thì đôi mắt tự nhiên lòa hẳn đi, kéo dài trong 1 tháng thì thiếu niên lâm trọng bệnh. Trong lúc mê sảng thiếu niên cho cha mình biết là anh được Thiên tướng xống đưa về Thiên đình chữa bệnh. Anh sẽ chết rồi khoảng 15 ngày sau mới sống dậy, miễn đừng đem chôn và ngày ngày vẫn cho anh uống 3 lần nước lạnh vào 6 giờ sáng, 12 giờ trưa và 18 giờ tối”. Dẫn chuyện xảy ra ở Tân Châu (Châu Đốc), để chứng tỏ chuyện thiếp đi của Ngài Phạm Công Tắc là một chuyện thật.

Vua Duy Tân đã trả lời xằng 1 câu bằng tiếng Pháp :

-Không, bởi vì nó đã thất bại. (Non, puisqu'elle n'a pas réussi).

Ngài giữ thái độ oai nghi lãnh đạm, cho đến khi bị đày qua đảo Réunion cùng với vua Thành Thái (13/5/1916).

Cái chí khí kiêu hùng và bất khuất của vị vua 17 tuổi, nung thêm chí căm hờn ngoại chủng của Ngài. Với khí thế tuổi trẻ, Ngài muốn vọt lên phá tan xiềng xích nô lệ, để đòi lấy quyền sống và giải thoát gông cùm ngự trị trên giống nòi. Nhưng tuổi nhỏ, Ngài đành chấp nhận hoàn cảnh, gia nhập phong trào Đông Du năm 1907, khi vua Duy Tân nổi ngôi, để mong học hỏi thêm kinh nghiệm tranh đấu của nước người.

Phong trào Đông Du (1904-1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh chủ và hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng để nâng cao dân trí, bằng cách gửi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

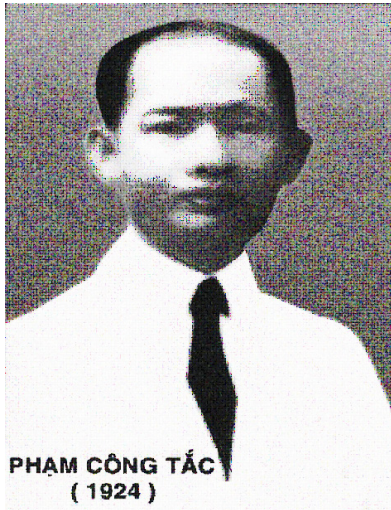
Tại Sài Gòn phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (tức Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các kinh thương hội như “Minh Tân công nghệ” và khách sạn “Nam Trung” làm nơi lưu trú hội họp cho đảng viên. Ngài Phạm Công Tắc dù đang theo học năm thứ hai trường Chasseloup-Laubat cũng lén bỏ học đến họp với anh em.

Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập hợp các đảng viên chia nhiều nhóm để xuất dương. Ba nhóm đã sang tới Nhật, Ngài được ghi tên vào nhóm thứ tư. Lòng Ngài như mở hội, bao nhiêu mộng hải hồ viễn phương kéo lũ lượt qua vông mô Ngài. Bút nghiên tạm xếp, hành trang sẵn sàng chờ ngày lên đường. Đùng một tiếng phong trào bị khám phá. Mật thám đến tra xét cơ sở Minh Tân công nghệ. Ông Dương Khắc Ninh đã lẹ tay hành động, tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu nên không ai bị lôi thôi gì cả. Tuy nhiên, mật thám vẫn chú ý, luôn theo dõi, dò xét các nhà lãnh đạo và chính Ngài cũng bị chúng để ý và nhà trường lưu tâm. Buộc long Ngài phải nghỉ học về làng An Hòa (Tây Ninh) tạm tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Khi tình hình êm dịu, Ngài lại lặn mình vào trường tranh đấu. Lần này Ngài hoạt động cẩn thận hơn, rồi tham gia viết báo như : Công luận, La Cloche fêlée (Chuông rè) của Nguyễn An Ninh, La voielibre ... Tiếng nói tự do), Nông cổ Mìn đàm, Lục Tỉnh Tân văn (Tờ Lục Tỉnh Tân văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiếu làm chủ bút). Ngài cộng tác thường xuyên với tờ này vì là đồng chí. Hơn nữa, ông Chiếu ngấm ngấm làm cơ quan tuyên truyền chống Pháp và kích động lòng yêu nước của nhân dân rất đắc lực. Các bài “Thượng bất chánh, hạ tắc loạn” (đăng ngày 12/12/1907), bài “Dân tộc đoàn kết và thời đàm” (đăng ngày 23/1/1908) là những lời thẳng thắng cảnh cáo nhà cầm quyền Pháp. Khi ông Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, Ngài lại về quê.

Vì ảnh hưởng cách mạng và các Tiên Vương, về sau, Ngài lập Báo Quốc Từ, bốn ba sang Nhật rước tro Cường Để, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Từ (gần chợ Long Hoa). Ngoài ra cơ quan thông tin Cao Đài sưu tầm và phổ biến các hình ảnh Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học ... Tất cả sự việc đó để tấm lòng nuôi dưỡng ý chí các liệt sĩ bất khuất và di dưỡng vang bóng một thời của tuổi trẻ hào hùng.

Âu cũng là thiên thơ dĩ định, mộng Đông Du không thành, bạn bè cùng chí hướng mỗi người một ngã, Ngài chẳng lẽ ngồi đây nhìn quê hương mỗi ngày thêm tan nát, hay chỉ biết làm bạn cùng cây cỏ gió trăng. Đêm rằm tháng giêng năm Đinh Mùi, Ngài nhìn vàng trắng hư ảo mà khẽ ngâm bài “Nhân nguyệt vấn đáp”, rồi tâm thần dần dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra Ngài đã lạc đến Thiên cung, rất có lợi cho cuộc đời hành Đạo của Ngài sau này.

2/- Thời trưởng thành :



Năm 1910, vì hoàn cảnh thanh bạch, Ngài vào làm thư ký Sở Thương chánh (Sài Gòn). Năm sau lên hai mươi một tuổi, Ngài vâng lệnh mẫu thân thành lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều, hạ sanh được ba (?) người con, hiện còn hai cô Phạm Hồ Cẩm và Phạm Hương Tranh. Bà Hương Nhiều (tức Nguyễn Thị Nhiều) đắc vị Chánh Phối sư, chương quản Nữ phái Phước Thiện, và cô Hương Tranh thọ phong Giáo sư (là một phẩm chức sắc trong Cao Đài giáo).

Đời sống công chức không làm cho Ngài thích thú, còn nếp sống gia đình điều điều buồn chán không trói buộc được Ngài. Ngài đam ra mê lý tưởng hướng Đạo, “làm những việc thiện hằng ngày để giúp đỡ những kẻ cô đơn xung quanh. Ngài giàu tình thương đời, nhất là những kẻ cô đơn trụy lạc. Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang làm công chức Sở Thương Chánh, đồng tiền chẳng được dồi dào chi lắm, vậy mà Ngài dám vay nợ đăng giải phóng một đoàn nhi nữ ra khỏi chốn thanh lâu, cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh phúc gia đình”. (Theo tiểu sử Hộ Pháp PCT ấn hành 1954).

Người Pháp thấy Ngài có hành động khác thường, họ liệt Ngài vào hàng có tâm huyết nên họ tìm cách đổi Ngài đi Cái Nhum (hậu Giang) sau đó đổi ra Qui Nhơn (Trung phần), rồi cùng lại đổi về Sài Gòn, để rồi những ngày sẽ tới, Ngài hiến trọn cuộc đời cho Đạo Pháp.

3/- Ngộ Đạo :

Vào năm Ất Sửu (1925) để tìm hiểu huyền vi và bí mật Thiêng liêng, Đức Ngài cùng quý ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu ... họp nhau “XÂY BÀN” tại nhà ông Sang gần chợ Thái Bình. Vong linh nhập bàn đầu tiên là cụ Cao Quỳnh Tuân (thân sinh của ông Cao Quỳnh Cư) cho một bài thi bát cú thất ngôn. Trong các chơn linh giáng xuống cho thi phú, có một vị không chịu xưng tên mà chỉ cho 3 chữ A, Ẫ, Ẫ, (xin xem ĐẠI ĐẠO SỬ CƯƠNG cùng tác giả).

II/- PHẦN ĐẠO

1/- Thọ Thiên Phong :

Mãi đến đêm 24 tháng 12 năm 1925, Ông A, Ẫ, Ẫ mới cho biết chính Ngài là Đấng Thượng Đế đến lập Đạo tại Nam Phương để giải thoát chúng sanh, tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát



Ma Ha Tát.

Vào ngày 25/4/1926 (14/3/Bính Dần) tại nhà Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhựt, Ngài thọ Thiên ân Hộ Pháp, Chương Quán Hiệp Thiên Đài, đắc vị Thiên phong trước hết. Đức Ngài là người nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, cả luật của đời, xét xử chư Chức sắc Thiên phong và tín đồ, giữ dạ vô tư, tạo lập bí pháp đưa các đẳng chơn hồn vào Bát Quái Đài để hiệp cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

2/- Hành Đạo Kiêm Biên (Kampuchia) :

Sau khi khai Đạo (14/10/Bính Dần) tại Thánh Thất Từ Lâm, xảy ra việc tà quái ngoài ý muốn, nhưng người theo Đạo mỗi ngày một đông, người Pháp dòm ngó, hăm he các Chức Sắc và lập hồ sơ đen các người theo Đạo.

“Riêng phần Bản Đạo là công chức, khi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến chùa Gò Kén mở Đạo, Bản Đạo có xin phép nghỉ 6 tháng đến chừng trở lại làm việc, người ta đổi Bản Đạo lên Kiêm Biên. Nơi đó Bản Đạo vừa làm việc vừa lo mở Đạo. Riêng phần mấy anh lớn trong hàng phủ, huyện bị người ta dọa nạt đủ điều. Cả toàn con cái Đức Chí Tôn buổi nọ, còn lại có ba người. Ba người ấy là Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm và Bản Đạo. Chúng tôi nhứt tâm nhứt trí quyết làm cho Đạo thành, cho vừa lòng Đức Chí Tôn” (Trích bài thuyết Đạo ngày 13 tháng 10 năm Giáp Ngọ, 1954).

Nhờ làm việc tại Kampuchia mà Đức Ngài độ được Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, bấy giờ làm Phòng Chương Khế tại đây (1927), và anh em vua Cao Miên là Sisowark qua trung gian Tổng Trưởng Sơn Diệp. Trong Hoàng Cung hiện nay vẫn còn thờ Thiên Nhân.

3/- Xây dựng Tòa Thánh :

Công nghiệp lớn lao của Đức Ngài là xây dựng Tòa Thánh. Đặt viên gạch đầu tiên năm 1933, qua năm 1936 mới khởi công xây cất và đến năm 1941 công cuộc kiến trúc bên ngoài vừa hoàn thành. Nhưng chưa kịp trang hoàng thì Đức Ngài bị lưu đày. Năm 1946, Đức Ngài trở về nước tiếp tục sửa sang. Năm 1954 thì hoàn tất và lễ Khánh thành được tổ chức vào đầu tháng giêng năm Ất Mùi (1955).

Đây là một công trình kiến trúc tân kỳ vĩ đại, khiến cho người ngoại quốc thán phục một khối óc vĩ nhân vượt hạn. Đền Thánh dài 145 thước, rộng 40 thước, cao 36 thước về phía gác chuông Hiệp Thiên Đài, 25 thước nơi Cửu Trùng Đài và 38 thước nơi Bát Quái Đài. Công trình tạo tác đồ sộ nguy nga như thế mà Đức Ngài vẫn khiêm nhường cho rằng chỉ làm theo lệnh dạy của Đức Chí Tôn ((1) *Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ*).

4/- Chương Quán Nhị Hữu Hình Đài :

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt đăng tiên (19/11/1934), vào ngày lễ Đại Tường (8/11/1935), một Đại Hội Đồng gồm Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh đồng bầu cử Đức

Ngài cầm quyền thống nhất Chính Trị Đạo cho đến ngày có Đầu sư Chánh Vị.

Từ đó Đức Ngài Chương Quản Nhị hữu Hình Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài hết lòng xây dựng nghiệp Đạo và đem phương sách hay cho nhơn sanh.

5/- Thời Pháp Nạn :

Vào ngày 23 / 7 / Canh Thìn (1940), lính mật thám Pháp vào châu vi Thánh Địa xét giấy tờ và đóng cửa Báo Ân Từ.

Ngày 25/5/Tân Tỵ (1941), Chánh phủ Pháp ra lệnh cấm công nhân tạo tác Tòa Thánh. Ngày 4/6/ năm đó, vào 8 giờ sáng, mật thám bắt Đức Ngài. Ba ngày sau họ vào Tòa Thánh đuổi hết mọi người về tỉnh, về nguyên quán. Chúng xung công tất cả Văn Phòng và chiếm đóng trong chu vi. Chúng đày Đức Ngài sang Mã Đảo (Madagascar) trên chiếc tàu Compiègne vào ngày 27/7/1941 cùng 5 vị Chức Sắc. Trong chuyến tàu này ngoài Đức Ngài còn có các nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang ... Khi đến Mã Đảo, Ngài và chư Chức Sắc bị giam đến ngày 24/11/1944, mới được ra ngoài làm lụng.

Năm 1945, phe Đồng minh thắng, De Gaulle giải phóng nước Pháp, Đức Ngài được đưa về Việt Nam ngày 1/10/1946. tính lại thời kỳ đồ lưu hải ngoại là 5 năm, 2 tháng, 3 ngày.

6/- Việc thành lập Quân Đội Cao Đài :

Khi Đức Ngài trở về Tòa Thánh thì Quân Đội Cao Đài đã lập từ năm 1945 với danh Nội Ứng Nghĩa Binh. Vì hoàn cảnh đất nước và đạo sự lúc bấy giờ, Đức Ngài phải để quân đội thành hình và xuất quân ngày 8/1 ÂL (1947).

“Quân đội các con thành lập dựng do toàn thể trụ cả năng lực trên nền tảng Nghĩa Nhân, Đạo Đức. Ngọn cờ Cứu Khổ của các con xuất hiện nơi nào thì nhân sanh nơi ấy đều phải dựng các con bảo vệ, cứu khổ phò nguy mà làm rạng danh anh tuấn của non sông chủng tộc”

(trích bài Huấn dụ các cấp chỉ huy Quân Đội Cao Đài của Đức Phạm Hộ Pháp đầu xuân Giáp Ngọ 1954).

7/- Chấn chỉnh các cơ quan Đạo :

Đức Ngài lo chấn chỉnh nội bộ từ Cửu Trùng Đài, có đủ 3 sắc phái (Đạo Nghị Định số 5), hiến thân hành Đạo, cơ quan Phước Thiện thành Hội Thánh Phước Thiện có thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng. Với toàn Đạo thì Đức Ngài cho phá rừng lập chợ Long Hoa, một hình thức kiến trúc theo Bát Quái, phố xá rộng rãi đường thênh thang dự trù cho hàng trăm năm sau. Công việc đang tiến hành thì một biến động xảy đến cho Đức Ngài, niềm đau chung cho toàn Đạo.

8/- Trên đất khách :

“Vào đầu tháng 8 năm Ất Mùi (1955), vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cao Đài, khi được Quốc gia hóa, ra lệnh thành lập Ban Thanh Trừng, bắt nhiều đạo hữu giam cầm. Một số thiếu nữ trong Đạo cũng bị câu lưu mấy tháng và bị ép buộc phải khai nhiều điều khiếm nhã cho Đức Ngài.

“Còn chính Đức Ngài cũng bị cảm lỏng tại Hộ Pháp Đường chung quanh có quân đội võ trang canh phòng, từ 20 tháng 8 Át Mùi (1955) đến mừng 5 tháng 1 Bính Thân (1956). Vì quá đau buồn cho cảnh đồng đạo tương tàn, Đức Hộ Pháp buộc lòng cùng nhiều Chức Sắc tùy từng rời khỏi Thánh Địa lúc 3 giờ khuya ngày ấy nhắm thủ đô Miên quốc trực chỉ”. (Trích diễn văn của Đức Thượng Sanh, theo Đại Đạo nguyệt san số 5/64)

Việc ra đi được Đức Ngài tuyên ngôn như sau :

“Bản đạo buộc mình phải xuất ngoại đăng bảo thủ tự do cá nhân của Bản Đạo, hầu đem ra một giải pháp mới mẻ có thống nhất hoàn đồ và chủng tộc là phương pháp Hòa Bình và Chung Sống”.

Hành động rời Tổ Đình, không những để bảo vệ tự do cá nhân để chủ thuyết của Đức Ngài được quảng bá sâu rộng trên toàn thế giới và các giáo lãnh tôn giáo mà còn một sự hy sinh cao cả “tránh cảnh đồng đạo tương tàn” như Đức Cao Thượng Sanh thuyết. Chẳng khác nào như Đức Jésus Christ hy sinh trên Thập tự giá để cứu nhân loại. Người ta nói “Lấy nhục làm vinh. Ở đây không hề có việc đó và Đức Chúa Trời cũng không hề làm như vậy. Hy sinh mình để cứu người đó là hành động của vĩ nhân, của bậc cái thể siêu phàm, của chơn linh có nguyên động lực mạnh. Phải lấy cái nhìn của một triết nhân, của hàng cao đồ mới thấy sự ra đi của Đức Ngài ngụ nhiều ý nghĩa mà người phàm khó hiểu được (ù Xem thêm “Chân dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc” cùng người viết).

9/- Trở về ngôi xưa cảnh cũ :

Dù sống trên đất Chùa Pháp an toàn, nhưng lúc nào Đức Ngài cũng hướng về quê hương khói lửa, đang bị súng đạn dày vò. Lòng chịu đựng có hạn, mà đời người lại có tuổi. Mặt khác Đức Chí Tôn có lẽ định đem Đức Ngài giúp ích cho Đạo nhiều hơn. Thế nên, ngoạ bệnh không bao lâu, Đức Ngài liễu đạo nhằm mừng 10 tháng 4 Kỷ Hợi (17-5-1959), hưởng thọ 70 tuổi.

Việc qui Thiên của Đức Ngài được đài Thông Thiên Học chứng nhận và thông báo trên mặt báo cho toàn thế giới biết. Ngay khi thi thể chưa liệm Đức Ngài giáng cơ cho bài thi nhiều ẩn ý sau :

*Trót đã bao năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi
Rồi đây ai đến cảm chơn pháp
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.*

III-THIÊN TÍNH CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Thánh Ngôn thừa khai Đạo, Đấng CHÍ TÔN có lần hỏi Đức Hộ Pháp : “Tắc! Thầy lấy tánh đức con mà lập Đạo được chăng?”. Xem vậy, tính đức của Đức Ngài thật quan trọng tác dụng trong

nền Tân Tôn Giáo.

Một Thánh nhân giáng trần có hai tính đức “*một là nhân tính, hai là Thánh tính.*” Nhân tính là tính làm người ở thế gian vì mang thi phàm. Thánh tính là tính thiên định cho chơn linh khi lâm phàm. Dù Đức Ki Tô cũng phải mang hai tính đức đó, nên Ngài ba lần bị quỷ Satan thử thách mới đạt Đạo. Nếu không có nhân tính mà chỉ có thiên tính của Trời thì quỷ vô thường làm sao dám bén mảng tới. Trường hợp Đức Hộ Pháp cũng vậy, vì mang thi phàm mà phải chịu bao nhiêu thử thách để xứng đáng trở về ngôi xưa cảnh cũ.

Nhân tính của Đức Ngài phảng phất nhiều hương vị hiền triết của Thánh Gandhi, Socrate, Ki Tô, Khổng Tử, Nostra-Damus ... Bởi Đức Ngài đã nghiên cứu về đời sống của các bậc siêu nhiên vũ trụ này. Bằng chứng là lúc còn sanh tiền, ngoài lịch kỷ niệm Đạo, Đức Ngài còn cho thiết lễ kỷ niệm các vị trên. Do đó vô hình trung con người của Đức Ngài được chung đúc qua các Thánh chất đó, trở thành bát tính sau :

1/- Hy sinh thân thể và chịu đựng tù đầy mưu tìm hạnh phúc nhân sanh:

Đức tính đầu tiên của Đức Phạm Hộ Pháp là hy sinh và chịu đựng. Hy sinh một người để cứu trăm họ, chịu đựng một mình để cứu vớt lấy sinh linh. Đó là gương hy sinh và chịu đựng của bậc Thánh nhân. về điểm này đức tính của Đức Ngài phảng phất tư chất của Thánh Gandhi (1869-1946). Thánh Cam Địa sinh ra đời thì nước Án dưới sự đô hộ của người Anh. Ngài theo học trường Anh đỗ Tiến sĩ Luật khoa nhưng chống lại sự áp bức của người Anh. Đến thế chiến thứ I (1914-1918) trước lời hứa hẹn của chính phủ Anh, Gandhi hô hào đồng bào đầu quân giúp chính quốc. Khi chiến tranh kết liễu, Anh quên lời hứa. Gandhi đứng ra lãnh đạo phong trào quốc gia Án, đề ra chính sách bất bạo động, bất hợp tác, năm 1919, Anh ban bố hiến chương Án Độ (India Act), dân Án bắt buộc theo Gandhi chống Anh. Gandhi bị hạ nhục từ tháng 3/1922 tới tháng 2/1924. Cuối cùng Gandhi bị bọn quá khích ám sát chết và đất nước vẫn còn chia Án Hồi.

Cuộc đời Đức PHAÏM HỘ PHÁP cũng hạ sanh lúc thời Pháp thuộc và chống Pháp. Đến thế chiến thứ hai (1939-1945) theo lời hứa của chánh phủ Pháp, Đức Ngài kêu gọi toàn Đạo đầu quân giúp Pháp và cũng bị Pháp cầm tù ở Mã Đảo (1941-1946) trên năm năm.

Điều phi thường là cả nhị vị không ai giữ địa vị cao trọng nào trong chính phủ và cũng không là chính khách nắm vận mệnh quốc gia. Gandhi nói : “Tất cả những nhà Tôn giáo mà tôi gặp đều là những chính trị gia trá hình. Tuy nhiên, tôi là người mang lớp áo chính trị, nhưng là một nhà Tôn giáo”. Nhờ lòng tin vào tôn giáo đã thúc giục ông nhận lấy hoạt động chính trị.

Biết hy sinh và hy sinh đúng lúc là một việc hết sức khó. Nếu không chịu đựng nổi những nhục nhằn, những tiếng thị phi mà quyền sinh thì còn chi là một người. Trên năm năm chịu đựng ở Mã Đảo, mấy tháng bị thanh trừng (1956) nhục nhằn nơi Hộ Pháp Đường, nếu không là bậc Thánh nhân, vì sự liêm sỉ nhất thời, không liệu chước gỡ rồi được thể tình thì danh dự của một người dù muốn hay không cũng không bị sút mẻ.

Chủ thuyết của Thánh Gandhi như quan niệm về quốc gia của Đức PHAÏM HỘ PHÁP : Chủ nghĩa quốc gia của chúng ta không thể làm hại quốc gia khác, cũng như chúng ta sẽ không phá hoại ai, ngược lại không ai có thể phá hoại chúng ta. Đức Ngài còn đi xa hơn phác họa một thế giới đại đồng không biên giới, trong đó mọi sắc dân mọi tôn giáo sinh hoạt bình đẳng.

2/- Hành động tích cực và tận tâm :

Đức tính thứ hai của Đức PHAÏM HỘ PHÁP là hành động tích cực, quả quyết. Đề xướng một việc nhất định phải đi đến kết quả tốt và nhất định vận dụng mọi kế hoạch để thực hiện cho kỳ được, tìm việc chứ không đợi việc. Nếu không có đức tính đó thì chắc Tòa Thánh xây dựng không xong. Không tiền, không vật liệu mà công thợ phải trường chay tuyệt dục, thì thử hỏi không tận tâm và tích cực làm việc, tổ đình đồ sộ kia làm sao hoàn thành.

Thái độ tích cực này giống Théodore Roosevelt (1858-1919) Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông là một người tích cực, hoạt động không ngừng và ăn nói hoạt bát, một người thợ đúc hình dung từ chua chát. Ông có ý kiến trong hầu hết các vấn đề trên mọi địa hạt và diễn tả với khí phách như thác lũ. Đức Phạm Hộ Pháp giống Roosevelt ở chỗ tích cực và phê kiến trong mọi vấn đề. Sự kiện này, ai có đọc tập “Lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp” thì rõ, từ việc nhỏ như đắp đường đến việc chính trị Đạo to lớn, nơi nào cũng có Đức Ngài ghé mắt. Nhưng khác hơn Roosevelt là không bao giờ dùng ngôn từ chua chát. Trong hai tháng chấp chánh quyền Tổng Thống các công văn do Ông ký có thể nổi từ Mỹ Quốc đến Việt Nam, thì Đức Phạm Hộ Pháp, sau khi tái quyền chấp chánh từ Mã Đảo về, Đức Ngài đã ban hành số Thánh lệnh và Thánh Huấn đáng kể (lưu giữ tại Ban Đạo Sử).

3/- Óc sáng tạo huyền bí :

Một tôn giáo có hai chánh pháp: thể pháp và bí pháp. Thể pháp là hình thể bề ngoài, còn Bí pháp là huyền nhiệm thiêng liêng bên trong. Thiếu một trong hai phép đó thì không là Tôn giáo.

Đáng CHÍ TÔN lập Đạo cứ trên tính đức của Đức Phạm Hộ Pháp thì Ngài cũng giao Bí pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi tay Hộ Pháp. Vào năm 1948, Đức Ngài đã bỏ ra thời gian khá dài để giảng về Bí pháp của Đạo, được các ký túc viên ghi chép và in thành tập.

Ngoài ra, Đức Ngài còn tuyên bố nhiều yếu ngôn quan trọng về nền Đạo, như về chính trị Việt Nam và Thế Giới. Những tài liệu tản mạn và có thể thu thập thành “sấm Đại Đạo”. Tác giả kêu gọi những tín hữu biết hoặc giữ những tài liệu này xin liên lạc với “Nhóm Văn Hóa Đại Đạo” để hầu làm sáng đường lối của Đức Ngài.

Tập tài liệu này, nếu thành hình chẳng thua gì “Sấm Trạng Trình” của Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ NGUYỄN BÌNH KHIÊM hoặc tập “Centuries” của Nostradamus (1503-1566), nhà tiên tri nước Pháp thế kỷ XVI.

Đức Ngài nắm giữ bí nhiệm các kiến trúc xây cất Tòa Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ, Điện Thờ Phật Mẫu. Những chi phái đã chấp nhận giáo lý Đại Đạo cũng không thể phủ nhận về hình thể các thể thức kiến trúc. Chưa kể đến, Đạo Cao Đài được phổ quát và truyền bá trong dân

chúng là do cấp cơ Cao Thượng Phẩm và Phạm Công Tắc đã phong Thánh tất cả những tướng sủy, những Tông Đồ đầu tiên của nền Đại Đạo.

Rồi từ đó, vì lý do này hoặc lý do khác, các Tông đồ đó lập Hội Thánh riêng, nhưng không thể chối bỏ Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, cũng do nơi cấp cơ này viết ra và cũng chính Đức Phạm Hộ Pháp được linh Ôn Trên chú giải.

Bí pháp Đại Đạo có đâu là một trò đùa, tặng ai thì tặng, ban ai thì ban, mà phải xứng đáng địa vị cao trọng giữ mình thanh cao trong sạch. Đấng CHỈ TÔN đã giảng dạy : thà làm một tín đồ trọn nhiệm còn hơn mũ cao áo rộng mà phạm luật Thiên Điều.

4/- Chịu nổi thống khổ và oan nghiệt của một người.

Vì còn mang thi phàm xác thịt thì còn bao nhiêu thử thách và thọ khổ của một kiếp người. Như Đức Ki Tô bị quỷ Satan khai chiến ba lần. Lần thứ nhất Satan vấn nạn : *“Nếu ông là con Thiên Chúa hãy truyền những hòn đá này trở thành bánh đi”*. Ngài đáp rằng: *“Người ta không sống bằng bánh, nhưng bằng mọi lời, bởi miệng Thiên Chúa phán ra”*. Satan mở chiến dịch thứ hai : *“Nếu ông là con Thiên Chúa hãy gieo mình xuống”*. Chúa Ki Tô đáp : *“Người chớ thử Chúa là Thiên Chúa người”* và lần thứ ba nó đem Ngài lên một núi rất cao, cho xem tất cả các nước trên thế gian với những vinh quang trần thế và bảo Ngài rằng : *“tất cả những vinh quang phú quý đó ta sẽ cho Ông, nếu ông quỳ xuống lạy ta”*. Đức Jêsus đáp : *“Hỡi Satan hãy cút đi vì có lời chép rằng : người sẽ thờ phượng chính Chúa là Thiên Chúa của người”*. Kết quả là ác quỷ bỏ Ngài và Thiên Thần hiện ra hầu hạ Ngài.

Đức Ki Tô chỉ chịu đựng và truyền Đạo trong ba năm, còn Đức PHẠM HỘ PHÁP phải chịu lắm nỗi nhọc nhằn từ năm 1926 đến năm 1959, ánh vinh quang chỉ lóe vào khoảng 1950-1955. Ngay từ ngày khai Đạo, trong bài thuyết Đạo năm 1954, nhân lễ kỷ niệm Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp nói : *“Khi vâng lệnh Đức CHỈ TÔN đến Gò Kén mở Đạo, Bản Đạo có xin phép nghỉ sáu tháng (vì công chức). Đến chừng trở lại làm việc, người ta không cho Bản Đạo ở Nam Việt nữa, đổi Bản Đạo lên Kiêm Biên. Nơi đó, Bản Đạo vừa làm việc, vừa mở đạo mục đích làm thế nào cho Đạo chóng thành tựu.*

“Từ khi lập Đạo chịu khổ hạnh truân chuyên, chịu nhục nhỡ, chịu mọi điều thống khổ”.

Rồi đến năm 1941, Đức Ngài bị chánh phủ Pháp bắt đi an trí ở Di Linh, Sơn La, sau cùng đày sang Mã Đảo (Phi Châu) rông rã 5 năm 2 tháng 3 ngày.

Trong thời gian đó, các Đấng có giảng cho Ngài bài thơ sau :

BÀI 1

*Hòn đảo này đây trước nhót tui,
Mà nay làm khám khảo thầy tu.
Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thì lữ Tây Man, Nhứt Bồn trừ.*

BÀI II

*Nô xi Lao³, tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hồi hồi ngơ.
Lượng thăm bủa ghềnh tình ột ạt,
Gió sâu xo đánh ái toi bời.
Yêu phu, điều gọi thương càn tím,
Giọng ngạn, quên kêu gọi buổi mơi.
Tổ quốc đơn đường bao dặm thẳng,
Đưa xa thăm thẳm một phương trời.*

Năm 1946, Đức Ngài hồi loan, tái thủ quyền hành. Đến năm 1955 xảy ra biến cố “Số là đầu tháng 8 năm Át Mùi (1955) vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cao Đài do chính tay Đức Hộ Pháp thành lập, khi đã được quốc gia hóa, ra lệnh lập “Ban Thanh Trừng” bắt nhiều đạo hữu giam cầm. Một số thiếu nữ trong Đạo cũng bị câu lưu mấy tháng và bị ép buộc phải khai nhiều điều khiếm nhã cho Đức Ngài.

“Còn chính Đức Ngài cũng bị cầm tại Hộ Pháp Đường, chung quanh có quân đội võ trang canh phòng, từ 20 tháng 8 năm Át Mùi (1955) đến mùng 5 tháng Giêng năm Bính Thân (1956)”. (Thuyết Đạo của Đức Cao Thượng Sanh đọc nhân ngày lễ Triều Thiên Đức Phạm Hộ Pháp năm 1964, trích theo Đại Đạo nguyệt san số 5/64).

Việc trên, chẳng khác nào Juda bán Đức Jésus cho bọn giáo trưởng Caiphe. Một lãnh tụ Tôn Giáo mà bị chính tín đồ mình bêu xấu thì thử hỏi đứng vị trí phạm nhân, thiếu độ lượng có lẽ xảy ra điều gì khác hơn là tấm lòng đại độ phản tỉnh ra đi. Một đòn hằn tâm lý hết sức cao nhẽ. Nếu những ai còn chút lương tri, còn chút hương vị đạo đức, chắc chắn không khỏi tòa án lương tâm xét xử. Còn được sống lâu thì càng day dứt nhiều, càng tiếc một hành động vội vàng, vị kỷ, quên hẳn nghiệp đạo chung, quên hẳn vị đại diện tôn giáo mà bao nhiêu tín hữu đang thờ kính. Kính Đạo phải kính Thầy, không Thầy thì ai giữ Đạo cho ta kính.

5/- Người của bình dân :

Điều này quá hẳn nhiên, vì “ngày nay Thầy đã khai Đạo nơi Đông Dương là cực đông của Á Châu, mà lại khai nơi xứ Nam Kỳ là xứ thuộc địa, dân tộc yếu hèn, ngu xuẩn. Ấy là do nơi thiên cơ tiền định cả muôn năm, lại để thưởng cái lòng tín ngưỡng của người Nam từ thử”. (Bài thuyết Đạo của Đức Quyền Giáo Tông năm 1933).

Đức CHÍ TÔN đã chọn hàng bình dân Việt Nam để giáo Đạo và chọn hạng trung lưu để lãnh đạo. Hạng bình dân tấm lòng trong sạch, cơ hàn đáng được đặc ân. Nhóm trí thức thì ảnh hưởng nhiều Tây Phương, phóng túng, thái quá và nhiều thủ đoạn, mưu lược. Sự hiện diện của họ nhiều khi chỉ là sự dựa thế hơn là sùng Đạo, vì Đạo mà cầu. Đức Phạm Hộ Pháp tuy xuất thân trong đám trung lưu, nhưng lại đứng về phe bình dân, Đức Ngài thường nói “Không cần người giỏi, chỉ cần biết làm và chịu làm là được”. Sở dĩ, Đức Chí Tôn thay vì chọn bậc bác học thông thái

3- NOSY-LAVA một đảo nhỏ ở về phía Tây Bắc Madagascar

để giáo Đạo, lại chọn hàng trung lưu và bình dân mà giáo, là để cho thế gian thấy rõ quyền năng của Đức Chí Tôn, bằng không đời sau với tất sùng bái cá nhân sẽ cho rằng Đạo Cao Đài do các bậc thông thái ấy bày ra chứ không phải Trời lập.

Đức Phạm Hộ Pháp còn coi các thợ hồ, nông phu là con của Thượng Đế. Trong một lời phê năm Tân Sửu, Đức Ngài viết :

“Qua đã biết trước thế nào trong mấy em cũng có đứa ngồi ngục. Gấm bị trước vì Phối Thánh Thoại muốn cho nó trả quả đối với Thánh lúc ở phạm. Đáng kiếp, Gấm đã đụng đầu xe lửa, cũng như mẹ con Út Giáp đụng đầu xe lửa Màng (cũng Phối Thánh) buổi trước vậy. Mấy em ráng cẩn thận coi chừng đừng ăn hiếp mấy ông Thánh ẩn thân bất ngờ, phải ngồi cửa Phong Đô mà khóc đa nghe”. Việc này, trùng hợp với việc Thánh Gandhi nâng đỡ giai cấp paria, cùng đỉnh của Án Độ, hết lòng thương họ vì họ không được Nhà nước đối xử bình đẳng, bị ghét bỏ, cho là cận bã của xã hội. Thánh Gandhi cho họ là “Con của Thượng Đế”. Nhờ đó mà xóa bỏ được thành kiến giai cấp ở Án quốc.

Đức Phạm Hộ Pháp trong câu văn ngắn đã nhắc lại 2 lần “đụng đầu xe lửa”. Thật vậy, nhóm bình dân, thợ thuyền khác nào xe lửa. Nhất là quý ông Bùi Aù Thoại, thợ hồ đập vế và Phạm Văn Màng công quả tạo tác Đền Thánh. Họ là những người như chiếc xe lửa đã định hướng, chỉ biết đi về một phía. Ai có đàn áp, chửi mắng thế nào, họ vẫn giữ lòng đạo đạo đức để làm công quả. Khi mới ra đời nhị vị này hiển Thánh. Đức Phạm Hộ Pháp mới cảnh tỉnh cho những ai lấy quyền tước, khôn ngoan khinh khi kẻ nghèo hèn bình dân, rồi thế nào cũng bị trả quả nhân tiền.

6/- Có hấp lực mãnh liệt :

Đức Ngài có một nhân diện mãnh liệt và một sức lôi cuốn trong thuyết Đạo. Ngoài cái khẩu khí của một chơn linh lâm phạm, Ngài còn am tường thủ thuật nói trước công chúng và “phương pháp của Socrate” là đặt những câu hỏi làm thế nào cho khách bàng quang chỉ có thể đáp có mà thôi. Chính nhờ vậy, đến ngày nay, chưa thấy ai phản đối hành động của Đức Ngài chỉ trừ biến cố thiếu suy (?) cuối năm 1955.

Nhờ có giọng nói ôn tồn mà Đức Ngài thuyết Đạo ròng rã hàng tháng về “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” và “Bí Pháp” vào ban đêm. Đêm nào cũng đông chật tín hữu, giờ mà mọi người ngoại Đạo đang yên giấc. Nếu không có một mãnh lực hấp dẫn lôi cuốn được người nghe, mấy ai có thể theo dõi được những đêm triền miên thuyết giảng đó.

Nhân diện của Đức Ngài mạnh đến nỗi kẻ đối diện, đừng nói đến tín đồ, ít dám nhìn thẳng tạt mặt. Lời Ngài xuống là răm rắp làm theo, dù là Chúc Sắc Đại Thiên Phong đương quyền. Tất cả kính mà hành theo, chứ không phải sợ. Bởi vì kính, dù Đức Ngài đã qua đời mà không ai dám cải sửa điều gì còn nêu vì sợ mà làm theo thì khi Ngài triệu Thiên chắc người ta sẽ bơi móc và chối bỏ những di sản của Đức Ngài. Sự kính trọng ấy thành khối và trở thành ấn tượng trong đầu mỗi tín hữu, coi lời Đức Ngài nói là một định đề hằng đúng.

7/- Công bình và chính trực :

Đọc những lời phê bình của Đức Phạm Hộ Pháp về việc Đạo, ta thấy rõ đức tính công bình và

chính trực. Hai đức tính này ảnh hưởng nơi Nho Giáo, cách hành xử đối với các tông đồ của Đức Không Phu Tử.

Ngày 17/3/Nhâm Thìn, Đức Ngài phê về việc đánh lộn như sau : *“Xem rõ vụ đánh lộn đã nêu gương xấu cho đám trẻ nơi Long Hoa Thị do một vị Lễ Sanh và một Giáo viên trường Đạo Đức hai người như thế mà làm gương như thế. Lễ Sanh Hoàng đã dạy đàn em đánh lộn võ sĩ chó không phải một vị Lễ Sanh của Hội Thánh. Hoàng không nên phạt đàn anh có đâu làm Chức sắc.*

“Giáo viên Thới là một giáo viên dạy dỗ đoàn thiếu sinh trong trường Đạo Đức mà thô lỗ, không lễ nghi khiêm tốn, hỏi dạy sắp nhỏ học gì ?

“Bản Đạo định án ;

“Ngưng chức Lễ Sanh trong 6 tháng và buộc phải cầu khẩn một vị Đại Thiên Phong cho phục vụ và bảo lãnh giáo Đạo cho Hoàng trong 6 tháng mà không thuần nét thì sa thải xuống hàng tín đồ. Giáo viên Thới thì không cho dạy nơi trường Đạo Đức nữa và nếu từ nay còn sanh sự với ai nữa là bị đuổi ra khỏi Thánh Địa”.

Đức Ngài lại phê về việc cầu xin chế giảm phẩm Thính Thiện và Hành Thiện thuộc cơ quan Phước Thiện :

“Đạo luật chơn pháp của Đức CHỈ TÔN đã dạy, không được phép chế sửa. Nam phái thật hành chơn pháp, đứng lý ra Nữ phái cũng từng Nam Phái mà thật hành luật định. Nghĩ lúc ban sơ, nếu thi hành y luật thì phải thất phận, nên Bản Đạo chế giảm cho Nữ phái mà thôi”.

Đức Ngài đã áp dụng đúng câu : “Tư vô tà” của Nho Giáo và nhất định hành luật Nho Tông chuyển thể tức lấy công bình chánh trực mà an trị thiên hạ.

8/- Khoan hồng và từ bi đại độ :

Nói đến khoan hồng và từ bi là nói đến tấm lòng, nói đến cái tâm của nhà Phật. Đức Hộ Pháp chơn linh là Hộ Pháp Di Đà. Dù gặp kỳ Nho Tông chuyển thể, nhưng là một Đấng tu hành, Đức Ngài vẫn hằng thương con cái của Đức CHỈ TÔN, hạ mình mà dìu dẫn toàn chư môn đệ.

Năm 1955, Quý Ngài Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư cầu xin Đức Hộ Pháp truy phong tướng Trình Minh Thế vào phẩm Thế Đạo, Đức Ngài phê như sau : *“Truy thăng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Quốc Sĩ và đặt thờ nơi Báo Quốc Từ cùng Đức Thành Thái và Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để”.*

Xem vậy, không những phong tặng phẩm vị Quốc Sĩ đầu tiên Thế Đạo mà còn đặc ân cho thờ chung các vị vương thì rõ lòng yêu mến người chiến sĩ của Đức Ngài như thế nào !

Khi Hội Thánh Phước Thiện trình về việc Ông Giáo Thọ Nguyễn Văn Tường, đại diện Ông Đạo Năm, Phật Giáo Thiền Lâm (Long Xuyên) xin về hiệp nhứt vào Phước Thiện, Đức Ngài phê : *“Cửa từ bi Phước Thiện vẫn mở rộng. Nhứt là Phạm Môn là nơi hội ngộ của Cửu Thập Nhị ức Nguyên nhân, thì có chi ngăn trở sự hiệp nhứt của các Đạo mà xin làm gì. Cứ thông dong vào*

cửa đặt lập vị mình.

“Bần Đạo lấy làm vui đẹp và hân hạnh mà tiếp đón họ chỉ khuyên họ đừng quá mê tín mà thôi.”

Do phúc trình số 329/PT ngày 7/11/1952 dâng lên Đức Hộ Pháp về việc Thiếu Tá Khanh xin nhường chức Lễ Sanh cho thân phụ là Cựu Chánh Trị Sự Đỗ Văn Cầm, 73 tuổi, được Ngài phê :
“Phê ý và tư cho quyền Ngọc Chánh Phối Sư lập Thánh Lịnh ân phong cho cụ Đỗ Văn Cầm vào hàng Lễ Sanh phái Ngọc (Hàm phong). Còn Thiếu Tá Khanh chỉ là một vị tín đồ mà thôi.
“Bần Đạo để lời khen lòng hiếu thảo của Khanh đáng ghi nơi Đạo Sử”.

Đại Đạo không phải là nơi nhường tước phẩm thiêng liêng. Đây là trường hợp biệt lệ. Thứ nhất, cụ Cầm đã là Cựu Chánh Trị Sự, tức đủ điều kiện lên Lễ Sanh. Thứ hai, cụ đã 73 tuổi không biết thăng Thiên lúc nào, có thể không đợi Hội Nhơn Sanh phán xét kịp. Đây chỉ có “phụ từ, từ hiếu” lòng hiếu thảo động đến lòng Trời mà thôi.

Bát tính trên xin tóm lược bằng câu : *“Tâm vô quái ngại, đại hùng, đại lực, đại từ bi”.*

Nguồn: “Đại Đạo Danh Nhân” - Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc - Kiểm duyệt ngày 2-7-1971- Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh sách - Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa - Soạn giả HT. Trần Văn Rạng

TRONG SỐ NÀY

- 1*- “Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc” - Soạn giả HT. Trần Văn Rạng (Ngày 10 tháng 4 ÂL là ngày Kỷ Niệm Đức Hộ Pháp quy Thiên) 01
- 2*- “Sơ lược cuộc đời Đức Phật” - Soạn giả BS Nhân tử Nguyễn Văn Thọ (Ngày 8 tháng 4 ÂL là ngày Lễ Vía Đức Phật Thích Ca) 16
- 3*- “Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh (1874-1937)” (Ngày 8 tháng 4 ÂL là ngày Kỷ Niệm Bà Đầu Sư Lâm Hương Thanh . 28
- 4*- Vườn Thơ Thế Đạo 33
- 5*- Phân ưu Đạo hữu Phan Thu Thủy, hiền thê HT Lê Văn Nghiêm, quy vị ngày 22-4 2021 tại bệnh viện Emory Decatur tiểu bang GA - Hoa Kỳ, hưởng thượng thọ 82 tuổi 38

Sơ Lược cuộc đời Đức Phật (Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ)

Năm đản sinh của Đức Phật khó mà biết.



Soạn giả
BS. Nguyễn Văn Thọ

Theo Việt Nam Phật Giáo sử lược, Ngài có thể sinh vào các niên đại sau đây: 1023, 685, 624, 623, 566, 563, 561, 559, 557, 487 trước Tây Lịch. Trước kia ở Việt Nam, Phật giáo có những ngày lễ sau:

- 8 tháng 4: Phật đản sinh
- 8 tháng 2: Phật xuất gia
- 8 tháng 12: Phật thành đạo
- 15 tháng 2: Phật nhập Niết Bàn

Theo thuyết phổ thông hiện nay, Đức Phật đản sinh, thành đạo, niết bàn vào ngày trăng tròn tháng Vesak của xứ Ấn Độ, tức là ngày 15 tháng tư Âm Lịch, năm 624 trước Tây lịch. Trước kia, tính Phật lịch, người ta tính năm đản sinh của Đức Phật. Ví dụ muốn biết, năm 1971 là năm nào của Phật Lịch, người ta cộng 1971 với 624=2595. Đức Phật sống 80 tuổi, như vậy, nhập Niết Bàn năm 544 Đại hội nghị Phật giáo thế giới kỳ II tại Tokyo Nhật Bản, vào năm 1952, đã quyết định lấy năm Phật nhập Niết Bàn để bắt đầu Phật lịch cho toàn thế giới. Vậy bất kỳ năm nào, muốn được Phật Lịch ta đem cộng nó với 544, ta sẽ được năm Phật Lịch Ví dụ: 1971 chuyển sang Phật Lịch sẽ là $1971 + 544 = 2515$; 1983, sẽ là $1983 + 544 =$ Phật lịch 2527

Ngược lại khi có năm Phật Lịch, muốn tìm ra năm Dương Lịch, ta lấy năm Phật Lịch trừ cho 544. Ví dụ năm Phật Lịch 2526 sẽ là $2526 - 544 = 1982$... Và như vậy ngày Phật đản sẽ được thống nhất và mừng vào ngày Rằm tháng Tư.

Thái tử Siddharta (Sĩ Đạt Ta), thuộc giai cấp Satriya (Sát đề Lị) giòng Cakya (Thích Ca) đại quý tộc Aán Độ. Ngài là con Hoàng đế Tịnh Phạn (Cuddhodana), và Hoàng Hậu Mayadevi (Tịnh Diệu).

Ngài đản sinh tại vườn hoa Lumbini (Lâm Tì Ni), nay là xã Ruminidhchi, hạt Aouth, phía tây nam xứ Nepal, và phía đông Rapti. Kinh đô của cha ngài là Kapilavatsu (Ca Tì La Vệ).

Đản sinh được bảy ngày, thì mẫu thân ngài băng hà. Nhờ bà di là Mahaprajapati (Ma Ha Bà Xa Ba Đề), và cũng là vương phi của vua cha, nuôi đến lớn.

Năm lên bảy, Ngài học văn với ông Visvamistra (Tì Sa Mật Đà La), và học với ông Ksantidiva (San Đề Đề Bà). Năm 16 tuổi, ngài kết hôn với công nương Yasodhara (Da Du Đà La), và sinh hạ được một người con trai tên là RahuLa (La Hầu La).

Theo kinh Trường A Hàm (Digha Nikaya) quyển IV, thì Ngài xuất gia năm 29 tuổi, sau khi mục

kích được những cảnh sinh lão, bệnh tử của chúng dân...

Từ đó trong vòng 7 năm trời, ngài đi lang thang hết khu rừng nọ sang khu rừng kia trong khu vực sông Hằng, và đã xin thụ giáo với những đạo sư danh tiếng thời ấy như:

-Arâda và Kâmâla ở Vesali.

-Rudraka ở núi Pandava.

Theo Phật Học Tinh Yếu của Thích Thiện Tâm, sau khi xuất gia, Đức Phật còn đi phỏng đạo với các đạo sĩ Ấn Độ khác như Bạt Già Bà tiên nhơn (Bhàrgava), Ra La Ca Lan tiên nhơn (Aørâda Kâlâma), Uất Đà La Ca Ma Tử tiên nhơn (Udraka Râmaputra) v....

Trong thời kỳ này Ngài cũng đến xứ Magadha (Ma Kiệt Đà), và được sự hỗ trợ của vua Bimbisâra (Bình Sa Vương). Vua này đã phái người theo hầu Ngài. Sau đó Ngài cùng năm đệ tử của Rudraka đến thành Uruvêla, bên dòng sông Nairanjanâ, bên tháp núi Vương Xá (Râdsjagriha), tu trường trai khổ hạnh trong sáu năm trường.

Năm người bạn đạo đó tên là: -Aøjnâta Kaundinya (Kiều Trần Như). -Asvajit (A Thấp Bà). -Bradrika (Bạt Đề). -Dasabala Kâsyapa (Thập Lực Ca Diếp). -Maha nâman (Ma Ha Nan).

Vì quá khổ hạnh, nên có lúc Ngài bị kiệt lực. May nhờ có nàng Sujata, con gái của Nandika, chường bình thành Uruvela khuấy sữa và mật ong cho Ngài uống, Ngài mới thoát hiểm. Từ đây Ngài ăn uống bình thường đầy đủ, và sức khoẻ dần dần hồi phục.

Trong các sách Phật Giáo ta thường thấy có hình Đức Thích Ca sau sáu năm khổ hạnh. Thật đúng là mình hạc xác ve

Năm người đạo hữu thấy Ngài chuyển hướng, không còn tu khổ hạnh nữa, bèn bỏ Ngài và đi sang thành Bénarès, tới vườn Lộc Uyển (Mrigavana) tiếp tục tu khổ hạnh.

Khi đã lấy sức lại, Thái Tử Siddhârta đến gốc một cây pippala, ngồi thiền định 49 ngày, sau đó giác ngộ. Cây đó sau được đổi tên là cây Bồ Đề (Cây Giác Ngộ = Bodhidruma).

Tới đây, ta đã học được với Đức Phật nhiều bài học:

-Trước hết là sức mạnh tinh thần phi thường, để có thể rũ bỏ được mọi công danh, lợi lộc, quyền quí, địa vị và mọi lạc thú gian trần để phát tâm cầu đạo giải thoát vô thượng.

-Thứ nữa là trước khi thành đạo, Ngài đã học hỏi với nhiều thầy. Như vậy ta đừng nên ngại chuyện: Tầm sư, học đạo.

-Trong khi cầu đạo, tu đạo, Ngài cũng thấy cần phải có bạn đạo.

-Ngài cũng có thể lầm lẫn, Ngài cũng có thể tu lầm đường, cũng đã hành hạ thân thể quá mức. Nhưng khi đã biết mình lầm, lập tức sửa sai.



-Ngài cũng đã được rất nhiều người trợ giúp.

-Sau cùng Ngài cho ta thấy rằng, muốn tìm cho ra chân lý, cần phải biết tập trung tinh thần và mài miệt suy tư. Theo tôi sau khi đắc đạo, Ngài đã đạt tới Chân tâm hằng cửu của vũ trụ và của Con Người. Ngài gọi đó là cảnh giới Niết Bàn. Như vậy, Ngài cho thấy rằng:

Dưới những lớp lang hiện tượng biến thiên của vũ trụ và của tâm thân con người, sinh sinh diệt diệt, khổ ải lao lung, biến thiên chất chường, còn có chân Tâm hằng cửu của trời đất, bất sinh, bất diệt.

Chân Tâm ấy, Niết Bàn ấy không ở đâu xa, mà đã khuất lấp ngay sau hình hài con người, tâm tư con người. Con đường đưa tới Chân tâm đó chính là Trung Đạo; phương tiện để thực hiện Lý tưởng đó là Chính đạo, hay Bát Chính đạo. Con đường Trung Đạo của Phật là tránh cực đoan: Không phóng túng nhưng cũng không hành xác.

Đến đây tôi liên tưởng đến Đạo Không với hai chữ TRUNG, CHÍNH của Dịch Kinh và của Nho giáo:

TRUNG là luôn luôn sống cho hay cho phải, cho hợp lý, hợp định tắc thiên nhiên, thực hiện tinh hoa trời, hằng giây, hằng phút. CHÍNH là CHỈ NHẤT, là CHỈ Ư CHÍ THIỆN: Luôn luôn vươn lên cho tới TINH HOA HOÀN THIỆN. Sau đó làm cho người khác trở nên giống mình (THỨ).

Sau khi Phật giác ngộ liền về thành Bénarès, tới vườn Lộc Uyển, tìm lại 5 đồng đạo xưa, và từ nay những bạn đạo xưa trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Phật.

Đức Phật bắt đầu giảng giáo, hay chuyển Pháp luân. Ngài dạy về Tứ Diệu Đế, Bát chính đạo, và Thập nhị nhân duyên.

Ngay từ sinh thời Đức Phật có rất đông đệ tử. Sau đây là tên những đệ tử danh tiếng của Ngài mà trong kinh gọi là Thập đại đệ tử:

- Đại Ca Diếp (Kasyapa) tôn giả, bậc tu định đệ nhất.
- Xá Lợi Phất (Sariputra) tôn giả, bậc trí tuệ đệ nhất.
- Mục Kiền Liên (Maudgalyàyana) tôn giả, thần thông đệ nhất.
- Ca Chiên Diên (Kàtyàyana) tôn giả, nghị luận đệ nhất. Bốn vị này thuộc giai cấp Bràhmana (Tư tế).
- Anan Đà (Ananda) tôn giả, đa văn đệ nhất.
- A Nậu Lô Đà (Amisuddha) tôn giả, thiên nhãn đệ nhất.
- La Hâu La (Rahula) tôn giả, mật hạnh đệ nhất. Ba vị này xuất thân từ giai cấp Ksatriya (Hoàng tộc).
- Tu Bồ Đề (Subhùti) tôn giả, giải không đệ nhất. -Phú Lô La (Purna) tôn giả, biện tài đệ nhất. Hai vị này thuộc giai cấp Vaisya (giai cấp bình dân).
- Ưu Ba Li (Upàli) tôn giả, trì luật đệ nhất. Vị này từ giai cấp Sùdra (tiện dân, nô lệ).

Ngoài ra còn có các vị đệ tử tại gia danh tiếng như:

- Vua Bimbisàra (Binh Sa Vương), nước Magadha (Ma Kiệt Đà)
- Vua Ajàsatru (A Xà Thế), nước Magadha
- Vua Prasenajit (Ba Tư Nặc) nước Kosala (nước Kiền Tát La hay Xá Vệ quốc).
- Cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakirti), tác giả bộ kinh Duy Ma Cật).
- Bà Videhi, bà Srimàla và vợ ông Tu Đạt La (Sujàtā).

Đệ tử cuối cùng là ông Tu Bạt Đà La (Sudhadra), 120 tuổi, thuộc Bà La Môn giáo.

Có thể đức Phật tùy căn cơ từng đệ tử đã tiến hành song song hai phương pháp giảng giáo.

Đối với quần chúng Ngài dạy Hiền giáo hay Quyền Giáo, tức là dạy về phần hình danh sắc tướng của vũ trụ, và của con người. Còn đối với những đệ tử có thượng căn, Ngài dạy Mật giáo hay Thực

giáo, tức là dạy về chân tướng của vũ trụ và của con người².

Ngoài vườn Lộc Uyển, Đức Phật còn thuyết giáo tại vườn Jetavana, ở thành Savâthi (nay là thành Sahet Mahet), và vườn Veluvana (Trúc Lâm Viên) ở thành Râjagriha (nay là thành Rajghir, thành Vương Xá), cách vườn Jetvana (Cấp Cô Độc Viên) 600 cây số.

Vườn Jetavana thường được gọi là vườn Cấp Cô Độc do trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) mua lại của thái Tử Kỳ Đà (Jeta hay Jetireta), và cúng hiến cho Đức Phật. Trong vườn có xây tinh xá cho Phật và chư tăng. Tinh xá đó có tên là Kỳ Viên Tinh Xá.

Năm Phật 80 tuổi, Ngài bỏ thành Rajagriha, vượt sông Hằng, lên phía Bắc, gần thành Patna ngày nay, ở phía tây thành Bénarès. Năm ấy đương ở Beluva, thì Ngài nhuốm bệnh. Ngài bèn sang thành Kusinârâ, mà chết ở giữa hai cây sa la.

Sau này vua Asoka (A Dục) (272-226) có dựng những trụ đá lớn để đánh dấu năm thánh tích chính trong đời Đức Phật. Đó là:

- Vườn Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đản sinh.
- Thôn Ưu Lâu Tần Loa (Uruvela), nơi Ngài tu khổ hạnh.
- Bồ đề đạo tràng (Budha गया), nơi Ngài thành đạo.
- Vườn Lộc dã, nơi Ngài chuyển Pháp Luân lần đầu tiên.
- Rừng Sa La Song Thọ, gần thành Kusinara (Câu Thị Na Yết La), nơi Ngài nhập diệt.

Ta có bản đồ ghi lại ít nhiều địa điểm Đức Phật đã cư ngụ hoặc hoạt động lúc sinh thời:

Muốn hiểu rõ giáo lý của Ngài, ta cũng nên bàn qua về bối cảnh lịch sử tư tưởng Aán Độ đương thời.

Phan Văn Hùm viết trong quyển Triết Học Phật Giáo, Phật Học Viện quốc tế xuất bản năm 1984 như sau:

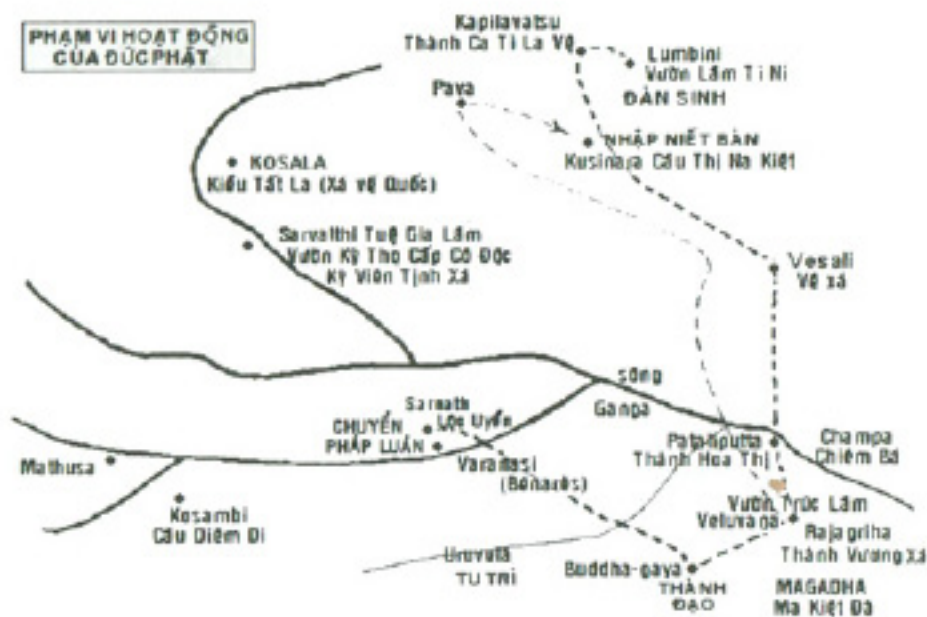
“Trước thời Phật giáo ra đời ở Aán Độ có những nền triết học sâm si chẳng đều nhau, cùng chủ trương phiếm thần luận như nhau. Brahma là căn bản vũ trụ. Nhất thiết sự vật đều là hình thái của Brahma. Vạn hữu đều ở Brahma mà sinh ra. Lúc trụ thời ở tại Brahma. Lúc diệt trở về Brahma. Brahma như thế nó vô thi vô chung. Sống đây là sống gỏi. Chết sẽ trở về Brahma, đời đời khoái lạc.” (sách trích dẫn, tr. 135).

Đại Thừa Phật giáo tư tưởng luận, tác giả là Bác Sĩ Nhật Bản Kimura Taken, dịch giả là Thượng Tọa Thích Quảng Độ, Phật Học viện quốc tế xuất bản năm 1986, nơi trang 148, có ghi như sau:

“...Đối với vạn hữu, đặc biệt là tự thân con người, người ta cảm thấy cần phải so sánh đối chiếu giữa cái chân tướng và giả tướng của vạn vật. Và do cái ý hướng muốn xa lìa giả tướng để trở về với chân tướng, mà đã phát sinh ra tư tưởng giải thoát.

Song tại Ấn Độ, cái thời đại mà sự đối chiếu giữa chân tướng và giả tướng được bộc lộ một cách

rõ ràng, đồng thời vấn đề giải thoát được luận cứ một cách rộng rãi, dĩ nhiên là thuộc thời đại U Ba Ni Sát Đàm (Upanishads). Do đó, vấn đề giải thoát được thiên ha đặc biệt chú ý và đưa ra thảo



luận vẫn là thuộc thời đại Upanishads(800-500 trước kỷ nguyên).

Đến thời này, giải thoát quan mới thật sự được qui định thành hình. Upanishads nói:”Cái bản tính của Tự Ngã cùng với Thật Tại của vũ trụ tức Phạm Thiên (Brahman) là đồng nhất, bản lai thanh tịnh, không nhớ nhớt, là cảnh giới diệu lạc, vĩnh viễn bất biến. Nhưng vì mê mờ không thấy được cái chân tướng ấy, nên con người bị tách khỏi cái tính đồng nhất kia để rồi phải lặn lội trôi dạt trong bể khổ sinh tử, bị đắm chìm và trói buộc mất hết tự do.”

Cũng vì thế mà cái lý tưởng cứu cánh của con người là làm thế nào để thoát ly được cảnh giới sinh tử trói buộc này, để trở về với bản tính đồng nhất của Phạm Thiên. Nền giáo lý Upanishads tuy rất mông mênh, nhưng cái qui kết tối hậu thì không ngoài tư tưởng này...

” Dem những tư tưởng trên soi rọi vào đời sống Đức Phật, ta có thể suy ra được khi Ngài giác ngộ, Ngài đã chứng được những gì?

Phật Học Tinh Yếu, Thích Thiện Tâm soạn, Phật Học Viện quốc tế xuất bản 1984, nơi trang 142-143 có ghi:

“...Và đến lúc sao mai mọc lên, Ngài chứng được lậu tận minh, dứt sạch phiền não, rõ hết đầu mối nghiệp duyên, tâm thể lặng yên sáng suốt. Bấy giờ Ngài đã thành Phật. Nội dung của sự giác ngộ chân chính này, có thể giải đáp vấn đề nhơn sanh một cách mỹ mãn. Trước kia Ngài thắc mắc về hai yếu điểm:

1. – Già, bệnh, chết và tất cả sự ràng buộc của kiếp người do đâu mà có?
2. – Làm thế nào để giải thoát những điều ấy?

Và đây là lời giải đáp:

1. – Do vô minh làm mê mờ bản thể, nên mới có sanh, già, bệnh, chết, lo thương buồn rầu.
2. – Muốn được giải thoát phải có chính kiến, dứt trừ phiền não, trở về bản tính, tức là phải tu theo con đường Bát chánh...”

Sau khi Đức Phật thành đạo, điều mà Ngài muốn đem truyền dạy cho các đệ tử và cho thiên hạ, chính là Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên và Bát Chính Đạo. Ngài chú trọng dạy người phương pháp tu trì, khuyên mọi người tìm cho ra những định luật tự nhiên vĩnh cửu của đất trời để mà theo mà giữ, dạy tăng chúng sống một cuộc đời thanh thản, trang nghiêm, kỷ luật và hòa hiệp.

Ngoài ra Ngài không thích bàn cãi những vấn đề triết học ngoài tầm hiểu biết của quần chúng. Tôi vẫn nghĩ rằng ngay từ khi đức Phật còn sinh tiền, giới luật được coi trọng hơn cả. Các đẳng cấp trong hàng tăng chúng được xác định bằng số giới luật mà mỗi người tình nguyện giữ. Ví dụ thiện nam (ưu bà tắc), tín nữ (ưu bà di) muốn tu tại gia, thì thọ ngũ giới (chẳng sát sinh, chẳng trộm đạo, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng uống rượu); hoặc bát giới (năm giới trên cộng với chẳng dùng hoa phấn dầu; chẳng xem hát xướng, kỹ nhạc; chẳng nằm giường cao, nệm rộng).

Ngày nay gọi thế là thọ bát quan trai, hay bát giới trai.

Sa di giữ 10 giới.

Sa di ni giữ Thức xoa giới.

Tỳ kheo (tăng) Đại thừa giữ 250 giới (Cụ túc giới); Tiểu thừa 227 giới.

Tỳ Kheo ni (ni) giữ 348 giới (Cụ túc giới).

Ngoài ra muốn tu hạnh Bồ Tát Giới tại gia thì giữ 6 giới trọng, 28 giới khinh.

Muốn tu hạnh Bồ Tát xuất gia, thì tăng ni nguyện giữ 10 giới trọng, 48 giới khinh. Muốn tường các giới luật đó, xin đọc Phật học từ điển Đoàn Trung Còn nơi các chữ ưu Bà Ni giới, ưu Bà tắc giới, Tỳ kheo giới, Tỳ kheo ni giới, Bồ tát ưu Bà tắc giới; Bồ tát giới v.v...

Chính Đức Phật đã qui định các vật sở hữu mà một tỳ kheo có thể có:

- 1.-Giày.
- 2.-Bồ đoàn, hay tọa cụ (giống như chiếu)
- 3&4.-Hai khăn mặt trắng.
- 5.-Y (ba; áo trong, áo ngoài, áo choàng)
- 6.-Bình bát.
- 7.-Trượng.
- 8.-Một cái lọc nước.
- 9.-Dao cạo.
- 10.-Chỉ.

11.-Kim.

12.-Cái chuông.

13.-Quạt. (Tối thiểu là 8 vật dụng, tối đa là 13 vật dụng nói trên).

Khi Đức Phật nhập diệt rồi, hai lần kết tập đầu tiên đều bàn cãi về giới luật, chứ không bàn cãi về giáo lý, và cũng vì có những chủ trương khác nhau về cách hành trì giới luật mà Phật giáo nguyên thủy chia thành Thượng Tọa bộ và Đại Chúng bộ, như sau ta sẽ đề cập đến...

Tóm lại vì đạo Phật mới đầu mở rộng để đón mọi hạng người, mọi căn cơ, mọi giai cấp, nên dạy trọng giới luật, dạy tu hành là điều phổ cập nhất, thực tế nhất, dễ cho đại chúng thi hành nhất.

Để giản dị hóa vấn đề giới luật, ta có thể toát lược như sau:

Con người sinh ra ở đời, phải giữ cho tròn Thân Khẩu Ý. Thân là hành động cho hay (good deeds). Khẩu là nói lời cho hay (good speeches). Ý là có tư tưởng cho hay (good thoughts).

Phật giáo còn có kệ:

“Chư ác mạc tác,
Chư thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.”

Dịch:

Không làm ác,
Cố làm lành,
Giữ lòng thanh,
Phật dạy thế...

Có một điều lạ là trong suốt đời Đức Phật, Ngài đã tránh né không trả lời, hoặc không đưa ra một lập trường dứt khoát về những vấn đề triết học trọng đại như:

-Vũ trụ vô cùng hay hữu hạn:

-Vũ trụ vô thủy chung, hay hữu chung thủy;

-Như Lai sau khi nhập Niết Bàn, có còn hay không còn:

-Con người có ngã hay không có ngã.

Đối với những vấn đề trên, Ngài thường hoàn toàn yên lặng, khi có người chất vấn. Sự yên lặng của Đức Phật, suy cho cùng, rất cao siêu, vì “nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy.” Và lại, càng ngày chúng ta càng thấy rằng cuộc đời này có rất nhiều vấn đề hết sức là tế nhị, bàn xuôi cũng được, tán ngược cũng hay. Ta gọi thế là “bất khả tư nghị.” Chữ Sanskrit dùng để chỉ bất khả tư nghị là Avyakata hay avyakrtavastuni. Yên lặng sẽ tránh được tranh chấp.

Tuy nhiên yên lặng không có nghĩa là phủ nhận, cũng không có nghĩa là tán đồng. Càng đi xuôi dòng thời gian, ta càng thấy sự yên lặng tuyệt vời của đức Phật dần dần được thay thế bằng sự ồn ào của các học thuyết, của các môn phái...

Nhiều người học Phật đã cho rằng đạo Phật có chủ trương hoàn toàn trái ngược với Upanishads, tức là Thánh Thư Bà La Môn, nên đã chủ trương một cách thiên chấp rằng tất cả đều vô thường, vô định, tất cả đều là khổ ải biến thiên, tất cả đều là hư ảo. Chẳng làm gì có bản thể bất biến của Vũ Trụ, chẳng làm gì có Bản thể bất biến nơi con người.

Ngày nay các học giả chân chính không còn có cái nhìn thiên chấp như vậy. Trong quyển Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận, nơi 199-200, ta thấy bác sĩ Kimura Taken nhận định như sau:

*Bây giờ nếu đem tất cả những điều đã trình bày ở trên mà nghiên cứu một cách thấu triệt, thì ít nhất mọi người phải thừa nhận những sự thực sau đây:

a/ Vạn hữu tuy là lưu chuyển, song trong cái lưu chuyển đó vẫn có cái phép tắc thường hằng.

b/ Trong lưu chuyển giới này vẫn có Niết Bàn giới thường hằng bất biến.

c/ Dù là lưu chuyển giới hay Niết Bàn giới, nếu truy nguyên ra, thì rốt ráo cũng chỉ là cái tâm của chúng ta.

d/ Sau hết cái chân tướng kể trên chỉ được nhận ra khi nào chính trí và chính niệm đã xa lìa sự thiên kiến và chấp kiến..."

Bên phía trời Âu, bà Rhys Davids, một học giả lỗi lạc về Tiểu Thừa, và thông thạo tiếng Pali, đã chứng minh rằng Đức Phật không bao giờ dạy rằng Chân Tâm là hư ảo, hay Atman là hư ảo, mà chỉ dạy rằng không thể tìm thấy được Chân Thường Hằng Cữu, hay Chân Tâm, Chân Ngã, trong cái tâm thân phiến diện, kết cấu bởi ngũ uẩn.

Bà Rhys Davids, và ông Humphreys đã chứng minh rằng trong Tạng Kinh viết bằng tiếng Pali, nhất là trong Pháp Cú Kinh (Dhammapada), Đức Phật đã dạy con người có hai thứ Ngã: Đại Ngã và Tiểu Ngã, và không hề dạy rằng Đại Ngã hay Atman là hư ảo.

Bà Rhys Davids và ông Humphreys cho rằng thuyết An-atta (không có Ngã = Not Self) là do một sự hiểu lầm của nhiều người theo Tiểu Thừa, hay Nguyên Thủy.

Bà Rhys Davids chủ trương dứt khoát rằng:

1.- Đức Phật không nói rằng không có Đại Ngã, mà chỉ nói rằng Đại Ngã không phải do Ngũ Uẩn cấu tạo nên, Đại Ngã không phải là thân là ý, mà Đại Ngã siêu xuất lên trên ngũ uẩn, lên trên thân ý.

2.- Đức Phật chấp nhận cái tinh hoa của Bà La Môn giáo, chấp nhận Đại Ngã (Atman) nội tại là lý tưởng cuộc đời, và dạy làm thế nào để đạt tới Atman nội tại, thực hiện Atman nội tại.

Ngài cho rằng phương pháp để đạt tới Atman nội tại là giới, định, tuệ, chứ không phải là hình thức lễ nghi bên ngoài. Bà dịch mấy câu quan trọng sau đây trong kinh Mahaparanibbana Sutta (Đại Niết Bàn) 11-13: Attadipa viharatha attapatisarana. Dhammadipa viharatha, dhamma patisarana, n'anna patisarana như sau:

Các thầy hãy lấy Đại Ngã là đuốc sáng, lấy Đại Ngã làm nơi nương tựa, hãy lấy Giáo luật (các định luật thiên nhiên, vĩnh cửu) làm đuốc sáng, làm nơi nương tựa, chứ đừng cậy trông chi khác.”

Nhiều học giả không ưa quan điểm của bà Rhys, riêng tôi rồi hoàn toàn tán đồng. Tôi thấy các cách dịch khác nó lơ mơ làm sao:

Đức Nhuận dịch: “Hỡi các tỳ khưu, các thầy hãy là ngọn đuốc và nơi nương tựa cho chính mình. Các thầy đừng phó thác vào một chốn dung thân nào khác.”

“Các thầy hãy cương quyết chủ định vào chân lý.”

“Hãy lấy chân lý làm ngọn đuốc và nơi nương tựa cho mình.” (Đức Nhuận, Phật Học Tinh Hoa, Phật học viện Quốc tế xuất bản, 1983, tr. 176)

Phạm Kim Khánh dịch:

“Hãy ăn náu nơi chính ta như một hải đảo, như chỗ nương tựa.

“Hãy ăn náu nơi giáo pháp như một hải đảo, như chỗ nương tựa. Không nên tìm ăn náu từ bên ngoài.” (Narada Maha Thera, Đức Phật và Phật pháp, người dịch: Phạm Kim Khánh, Chùa Pháp Vân, 850 W. Phillips Blvd, Pomona California, 91766, 1982, p. 300)

Tôi nghĩ rằng Đức Phật không bao giờ lại có thể tự mâu thuẫn như vậy. Không khi nào Ngài vừa chủ trương con người bị Vô Minh che mờ, rồi lại dạy con người phải lấy mình làm đuốc soi cho mình. Không lẽ nào Ngài vừa dạy rằng con người là biến thiên, vô thường vô ngã, rồi lại dạy con người phải dựa nương vào cái vô thường vô ngã ấy...

Đến đây tôi nhớ lại một lời Phật dạy hết sức quan trọng ghi trong kinh Udana (Tự Thuyết): “Hỡi các tỳ khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được cái sinh thành, ý tạp. Nhưng vì có thực trạng ấy, nên có đường thoát cho cái sinh thành, ý tạp.”

Và tôi cũng liên tưởng đến chủ trương của Môn Phái Giác Ngộ mà họ đã đúc kết lại như sau: “Người theo môn phái Giác Ngộ không theo ai, mà chỉ theo Ành Sáng vĩnh cửu trong tâm họ: họ không tin cậy một đấng Cứu Thế ngoại tại nào, mà chỉ tin cậy và Nguồn Năng Lực cứu rỗi ở sẵn ngay trong lòng họ. Họ không phải là người công giáo thường mà chính là một đấng Kitô khác.”

Càng suy tư về giáo lý Phật giáo, càng đọc kinh sách Phật giáo, tôi càng thấy rằng quan điểm trên (tất cả đều biến thiên, không có gì là hằng cửu) là của những kẻ hạ căn đã gán cho Phật.

Theo tôi nếu đúng là mọi sự đều vô thường, vô ngã, mọi sự đều là biến thiên, khổ ải, mọi sự đều

là không tịch hư ảo, mọi sự đều không có thực thể, thì dĩ nhiên không làm gì có con đường nào để giải thoát con người, không còn có chi là lý tưởng để con người vươn lên, không còn có chi để con người dựa nương, và Niết Bàn cũng chỉ là một danh từ suông.

Đối với tôi, sau khi đã khảo sát tư tưởng của tất cả các bậc đại giác, đại ngộ Đông Tây kim cổ, tôi đã toát lược nhãn quan của Đức Phật như sau:

Vũ trụ cũng như con người thật ra có hai chiều hai mặt, nhưng vẫn luôn luôn là một thực thể duy nhất:

1. Về phương diện Bản thể, thì tất cả đều là đồng nhất, bất khả phân, siêu không gian thời gian, siêu xuất trên mọi hình danh, sắc tướng. Chính vì siêu xuất trên mọi hình danh, sắc tướng, nên mới vô cùng vô tận, vô thủy vô chung, mới có những khả năng vô biên, vô tận, mới khinh khoáng tự do, vô quái ngại.

Bà La Môn gọi cái đó là Brahman-Atman, Niết Bàn. Phật giáo cũng gọi đó là Niết Bàn. Sau này còn dùng những chữ Chân Tâm, Chân Như. Có thể gọi đó là KHÔNG vì không hình danh sắc tướng, không lệ thuộc không gian, thời gian, chứ không phải đó là NGOAN KHÔNG. Cái KHÔNG nơi đây chính là CHÂN KHÔNG, DIỆU HỮU, linh minh, huyền diệu, an lạc tuyệt vời.

Có thể gọi Đó là VÔ NGÃ, vì CÁI ĐÓ vô biên tế, vô cùng tận, không còn là của riêng ai. Nhưng cũng có thể gọi đó là ĐẠI NGÃ, vì là cái NGÃ ĐẠI ĐỒNG của vũ trụ và của quần sinh. Nó DUY NHẤT, nên không hề pha phách, bác tạp. Chính vì thế ngũ uẩn, tứ đại, hồng trần không sao vươn lên tới Nó được.

2-Về phương diện hiện tượng, về phương diện hình danh, sắc tướng, thì tất cả đều là sai biệt, đều là chi li phiền tạp. Điều trôi nổi trên triền không gian thời gian, đều bị hạn hẹp, đều bị giam hãm trong những hình danh sắc tướng.

Đó là những gì hữu hạn, những gì biến thiên, những gì vô thường vô định. Đó chính là những bức tranh vân cầu, những cảnh tang thương được vẽ vời trong khoảnh khắc trên bức khung bao la, vô tận của Bản Thể. Đó chính là những cái mà ta gọi là NGŨ UẨN, LỤC TRẦN, VỌNG TÂM, VỌNG NGÃ. Chúng hoàn toàn chịu những định luật của sinh tử, luân hồi (Luân hồi đây nên hiểu là biến thiên vô thường, vô định); đây chính là địa bàn hoạt động của mọi tục lụy, khổ đau, tranh chấp, THAM, SÂN, SI dưới mọi hình thức.

Có thể gọi chúng là VÔ NGÃ, vì đây chính là những tập hợp biến thiên, của Tứ Đại, Ngũ Uẩn, Lục Trần. Chúng chính là những phiên chợ đời, tập hợp nhau trong khoảnh khắc, ồn ào trong khoảnh khắc, bả lả, mặn nồng trong khoảnh khắc, nhưng rồi ra lại sẽ chia tay, để “Anh đi đường anh, Tôi đi đường tôi.”

Gọi chúng là KHÔNG, vì chúng không có thực thể.

Gọi chúng là VÔ THƯỜNG vì nằm trong ảnh hưởng biến hóa của không gian, thời gian, và các nhân duyên đa tạp của hồng trần.

Gọi chúng là TIÊU NGÃ vì chúng là hình hiện của những gì thấp hèn, ti tiểu. Gọi chúng là VỌNG NGÃ, vì chúng chẳng qua chỉ là những bộ mặt nạ hóa trang, đeo lên trên BẢN LAI DIỆN MỤC, khi đóng những tấn kịch đời... Đó là thế giới của VẠN, của ĐA TẠP. Bản thể và Hiện Tượng nơi con người, theo nhãn quan Phật giáo sẽ là Niết Bàn và Khổ Hải, sinh tử luân hồi; THƯỜNG và VÔ THƯỜNG.

Con người sinh ra ở đời này phải theo những định luật thiên nhiên vĩnh cửu, và một trong những định luật đó là phải vượt từ HỮU HẠN, lên tới VÔ HẠN; vượt từ TỐI TÂM lên tới ÁNH SÁNG; vượt từ PHỦ SINH lên tới TRƯỜNG SINH, vượt từ KHỔ HẢI lên tới NIẾT BÀN.

Và như vậy NIẾT BÀN, hay CHÂN TÂM hay BẢN THỂ đều thực sự đã chẳng hề lìa xa con người... Con đường dẫn từ LUÂN HỒI lên tới NIẾT BÀN chính là GIỚI, ĐỊNH, TUỆ.

GIỚI là đi tìm những định luật thiên nhiên vĩnh cửu mà theo mà giữ.

ĐỊNH là biết tập trung TINH THẦN để càng ngày càng có thêm THẦN THÔNG, THẦN LỰC. TUỆ chính là phát được ĐẠI GIÁC, ĐẠI HUỆ, MỞ TUỆ GIÁC để nhìn thấy cái BẢN THỂ. NIẾT BÀN xét về phương diện LUÂN LÝ, NGHỆ THUẬT thì chính là LÝ TUỞNG mà con người cần phải liễu đạt. Cho nên nếu BÁT CHÍNH ĐẠO là con đường đưa tới NIẾT BÀN, thì BÁT CHÍNH ĐẠO có thể tóm tắt lại bằng lời khuyên sau:

Luôn luôn hãy sống cho hay, cho đẹp, cho tuyệt vời, bất kỳ trong giây phút nào, trong hoàn cảnh nào. Nho giáo gọi thế là THỜI TRUNG... Phật giáo gọi thế là QUI Y PHẬT, lấy Phật làm lý tưởng tối cao để qui định hành vi của mình.

Nếu chúng ta học đạo Phật không phải là để thỏa mãn cái trí tò mò, mà cốt là theo gương Phật, bắt chước Phật, mong trở thành Phật, tu trì tinh tiến, mong sớm được đại giác, đại ngộ, đem lòng từ bi vô lượng, thương xót chúng sinh, nguyện làm lợi ích cho nhân quần, cho xã hội, nếu mọi người ai cũng quyết tâm như vậy, thì Tịnh Thổ, Cực Lạc, Niết Bàn, trước sau cũng sẽ hình hiện để thay thế cho trần ai tục lụy này.

Thực ra thì tùy trình độ, tùy căn cơ, tùy công phu thiền định, tùy sự tập trung tinh thần của mỗi người, tùy công phu suy cứu của mỗi người, mà mỗi người lại có một quan niệm khác, suy tư khác về những lời Phật dạy.

Hết

Ghi chú: Muốn nghiên cứu tôn giáo, các sách, bài viết của Bác Sĩ Nhân tử Nguyễn Văn Thọ, xin vào web www.nhantu.net

**Nữ Đầu Sư
LÂM HƯƠNG THANH
(1874-1937)**



Bà Lâm Hương Thanh, thế danh là Lâm ngọc Thanh, sanh năm Giáp Tuất (1874) tại làng Trung Tín, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thân mẫu là Bà Trần thị Sanh. Bà Lâm ngọc Thanh là vợ của Ông Huyện Huỳnh ngọc Xây, nên Bà thường được người ta gọi là Bà Huyện Xây, là một nghiệp chủ rất giàu có tại Vũng Liêm. Ông và Bà có một người con gái tên là Huỳnh thị Hồ.

Sau này Ông Huyện Xây chết, Bà gá nghĩa với Ông Huyện Hàm Nguyễn ngọc Thơ, một nghiệp chủ ở Tân Định Sài gòn. Hai Ông Bà đều hâm mộ Phật giáo, nên đều qui y theo Phật giáo, thọ giáo với Hòa Thượng Như Nhãn, trụ trì Chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ Lớn.

Bà Lâm ngọc Thanh rất sùng kính Đức Phật Thích Ca, nên kế bên biệt thự của Bà ở Vũng Liêm có lập một ngôi chùa Phật để gia đình Bà cùng với dân chúng xung quanh có nơi chiêm bái. Bà Lâm Ngọc Thanh được Đức Chí Tôn độ, nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mùng 9-9 Bính Dần (DL 16-7-1926)

Bà hiến dâng một phần sản nghiệp vĩ đại của Bà để giúp Đạo trong buổi sơ khai có được phương tiện hoằng hóa mới Đạo Trời. Bà biến ngôi chùa do Bà xây dựng ở bên cạnh nhà thành một Thánh Thất, thờ Đức Chí Tôn, để những người trong vùng đến đó nhập môn cầu Đạo. Ai thiếu kinh để tụng niệm thì Bà in kinh phát cho không, ai thiếu Đạo phục thì Bà giúp đỡ may sắm.

Với tình thầy trò giữa Hòa Thượng Như Nhãn và Ông Bà Nguyễn ngọc Thơ, Hòa Thượng Như Nhãn bằng lòng hiến ngôi chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh cho Đạo Cao Đài dùng làm Thánh Thất tạm, tổ chức Lễ Khai Đạo, và lại khi cất ngôi chùa này, Ông Bà Thơ đã đóng góp một số tiền lớn.

Trong ngày Đại Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm Từ Lâm Tự, ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926), Bà Lâm ngọc Thanh thọ Thiên Ân Nữ Giáo Sư, Thánh danh là Lâm Hương Thanh. (TNHT. II. 13)

Từ ấy, Bà lo phổ độ nhơn sanh khắp các tỉnh, khi khai đàn, lúc thượng tượng, giảng đạo, đọc Thánh ngôn cho nhơn sanh thấu hiểu Đức Chí Tôn giáng trần lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là để chấn hưng Phật giáo lại cho hoàn toàn, qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi.

Trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I ngày 14-1-Đinh Mão (dl 15-2-1927), Đức Chí Tôn thăng Bà lên phẩm Nữ Phối Sư, cầm đầu Nữ phái, và phong người con gái của Bà, Cô Huỳnh thị Hồ, vào phẩm Nữ Giáo Sư, Thánh danh Huỳnh Hương Hồ.

Nhờ có phương tiện xe hơi nhà của Bà giúp cho Đạo nên việc đi lại phổ độ nhơn sanh của quý Chức sắc lúc bấy giờ được mau lẹ dễ dàng.

Khai Đạo tại chùa Gò Kén được 3 tháng thì Hòa Thượng Như Nhãn đổi ý, đòi chùa Từ Lâm Tự lại, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, và bắt buộc Hội Thánh phải dời đi nơi khác hành đạo. Hội Thánh họp lại, lo đi tìm mua đất dựng cất Tòa Thánh.

Theo sự hướng dẫn của Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch, Hội Thánh hỏi mua được một miếng đất của Ông Kiểm Lâm người Pháp, tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh. Ông Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh cho Hội Thánh mượn số tiền 25.000 đồng để mua đất và khai phá rừng, cất Tòa Thánh tạm bằng cây ván, để dời cơ sở từ chùa Từ Lâm về đất mới.

Bà Lâm Hương Thanh lãnh lĩnh của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, lo việc giao thiệp với Chánh quyền Pháp, xin mở cửa những Thánh Thất nào bị chánh quyền áp chế đóng cửa trước đây. Bà làm đơn cam kết Đạo Cao Đài là Phật giáo chấn hưng, thuần túy tu hành, không làm điều gì sai luật của chánh phủ.

Bà Lâm Hương Thanh và Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền riêng ra mua thêm một miếng đất rừng nữa, từ ngã ba Ao Hồ vào giáp với miếng đất đã mua cất Tòa Thánh, để tạo cảnh Cực Lạc Thế giới, gọi là Cực Lạc Cảnh. (Xem lại Tiểu sử của Ngài Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh)

Ngày mùng 9-3-Kỷ Tỵ (dl 16-4-1929), Bà Lâm Hương Thanh được thăng phẩm Nữ Chánh Phối Sư, chương quản các tín đồ Nữ phái.

Năm 1933, Tòa Thánh tạm cất bằng cây ván hư nát nhiều, Hội Thánh bàn tính việc xây cất Tòa Thánh bằng xi măng cốt sắt cho chắc chắn vĩnh viễn, theo họa đồ của Đức lý Giáo Tông chỉ vẽ, tốn phí giai đoạn đầu ước tính 20.000 đồng, mà Đạo lúc ấy còn nghèo, số tín đồ còn ít, nên không đủ tiền mua vật liệu. Ngài Thái Thơ Thanh và Bà giúp Hội Thánh một số tiền lớn để khởi công đào móng xây dựng.

Lúc ấy, nơi Tòa Thánh, các Chức sắc cao cấp trong Hội Thánh bị nội khảo, rồi ngoại khảo, nên việc xây cất Tòa Thánh phải đình trệ hoài, sự tiến triển chẳng có gì đáng kể.

Đến năm 1936, cơn khảo đảo đã lắng yên, Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền Hội Thánh, quyết tâm tiến hành xây dựng Tòa Thánh, bởi vì Tòa Thánh là thể diện của Đạo, nhưng lúc đó, nơi tủ của Hộ Viện cất tiền quỹ của Hội Thánh chỉ có vòn vện 1 đồng rưỡi.

Đức Phạm Hộ Pháp liền đi Vũng Liêm gặp Bà Lâm Hương Thanh để thương lượng và sắp đặt. Bà chỉ cho Đức Hộ Pháp thấy lúa của Bà trong kho còn đầy ắp, chưa bán được vì kinh tế khủng hoảng, giá lúa quá thấp, chỉ có 2 cắc 1 gia, nên Bà không có sẵn tiền mặt. Sau đó, Bà vào tủ sắt lấy ra một cái hộp lớn đựng đầy vàng và hột xoàn, cầm thạch,

trao cho Đức Phạm Hộ Pháp. Bà bảo Đức Phạm Hộ Pháp đem về Sài gòn cầm thế nơi Nhà băng thì đăng lỗi 100.000 đồng bạc Đông Dương, để lo xây cất Tòa Thánh.

Đức Phạm Hộ Pháp suy nghĩ, mượn thì dễ, mà làm sao Hội Thánh sau này có đủ tiền chuộc lại số vàng và hột xoàn này để trả lại cho Bà, nên Đức Phạm Hộ Pháp không dám lấy. Bà mới nói với Đức Phạm Hộ Pháp trong tình thân mật như Chị với Em :

- Chị tin Em, Em cứ khởi công làm, làm thì được, từ cái không mà sẽ có tất cả. Năm Đinh Sửu (1937), Đức Phạm Hộ Pháp cùng Hội Thánh đi Nam Vang lo Đạo sự nơi đó, giao cho Bà ở nhà lo ngoại giao với nhà cầm quyền Pháp ở những nơi nào Đạo bị làm khó dễ. Bà đi hầu Tòa, rồi trở về, kể đó lâm bệnh.

Bà qui vị vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Sửu (dl 17-5-1937) đúng vào ngày Lễ Thánh đàn của Đức Phật Thích Ca, tại quê nhà ở Vũng Liêm, hưởng thọ 64 tuổi.

Đức Phạm Hộ Pháp lúc đó đang hành đạo ở Nam Vang, được tin điện, cấp tốc trở về để cùng Hội Thánh lo tang lễ cho Bà.

Một điều huyền diệu là khi Bà Lâm Hương Thanh còn sống thì Bà lo đi ngoại giao với chánh quyền Pháp về việc Đạo, rồi khi thoát xác đăng Tiên, Bà cũng lo y như vậy. Số là Đạo xin phép khai đàn, nhà cầm quyền Pháp lúc đầu thì cho, sau lại cấm. Hội Thánh chưa biết tính sao thì Bà liền giảng cơ nói : Để Bà lo việc đó cho và yêu cầu Hội Thánh cử người đến xin, kỳ sau thì được dễ dàng. Quả đúng y như vậy.

Sau khi Bà qui vị được 17 ngày, đến ngày 25-4-Đinh Sửu (dl 3-6-1937), Bà được Đức Chí Tôn ân tứ lên phẩm Nữ Đầu Sư, vì Bà là người có đại công với Đạo trong buổi sơ khai và là chị cả của Nữ phái, dìu dắt đàn em Nữ phái.

Về sau, Hội Thánh đem hài cốt của Bà ở Vũng Liêm về Tòa Thánh, đặt vào Bửu tháp Nữ Đầu Sư, xây ở phía Tây Lang Tòa Thánh, và tượng của Bà được tạc ở mặt tiền Tòa Thánh, phía bên Nữ phái, trên Lôi Âm Cổ Đài, để nhơn sanh chiêm ngưỡng một bậc Chức sắc đại công của Đạo.

Bài thi để làm Bài Thái tế điện Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh :

Đầy giỏ Hoa Lam chất ái tình,
Y theo mặt luật của khuôn linh.
Thử căn linh thể nơi phạm tục,
Mới hưởng hồng ân chốn ngọc đình.
Nam Hải là bờ ao Thất Bửu,
Tây Ninh nền tổ quán Tam Thanh.
Thuyền từ trở lái lia sông lệ,
Nhớ bạn chơn mây gởi tác thành.

Tại Đền Thánh, đêm mùng 7 rạng mùng 8 tháng 4 năm Kỷ Sửu (dl 5-5-1949), là ngày Vía Đại Đàn cúng Đức Phật Thích Ca, và cũng là ngày Lễ Kỷ niệm Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh đăng Tiên, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về nguyên căn của Bà, xin trích ra sau đây :

“Đêm nay là Vía Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni mà cũng là ngày vía Chị Cả của chúng ta là Bà

Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Chẳng biết ngẫu nhiên hay là tiền định mà Bà Nữ Đầu Sư qui liễu nhằm ngày Vía Đức Phật Thích Ca. Theo Bần đạo hiểu biết, tưởng những người ái mộ Đạo Phật nồng nàn hơn hết, chúng ta có thể nói rằng : Bà Nữ Đầu Sư cũng là người đứng đầu sổ của thiên hạ vậy.

Trước ngày Đức Chí Tôn mở Đạo, Bà Đầu Sư duy có biết Đạo Phật mà thôi, chính miệng Bà thuật lại với Bần đạo như vậy. Từ bé, Bà chỉ để tâm ham mộ Đạo Phật. Đức Chí Tôn đứng vào Phật vị, nên Bà thương lắm, thương một cách nồng nàn. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, tức nhiên là Đức Chí Tôn mở Phật giáo Chấn hưng đó vậy.

Ngày nay là Lễ của Đức Phật Thích Ca và của Chị chúng ta, chúng ta nên để tâm cầu nguyện Chơn linh của Ngài và của Bà, tức nhiên Long Nữ, cả thầy chúng ta đều biết cái bí mật ấy.

Bà Nữ Đầu Sư, Chơn linh là Long Nữ. Long Nữ là ai ? Thật ra, là người hầu của Đức Phật Quan Âm Bồ Tát đó vậy.

Bần đạo hiểu về cái thuyết bí mật của Đức Quan Âm Bồ Tát, đã lãnh trách nhiệm trọng yếu, vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chương quản điều khiển Bát Nhã Thuyền. Vì có cho nên Đức Quan Âm Bồ Tát không thể giáng trần được, chính mình Long Nữ là người hầu của Đức Quan Âm tình nguyện giáng trần đăng hiệp với các Chơn linh khác, các Cung các Điện và Hộ Pháp, dựng mở nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, hầu tạo cơ giải thoát, tận độ vạn linh.”

Sau đây, xin chép lại một bài giảng cơ của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh tại Hộ Pháp Đường, đêm 1-1-1946, phò loan: Khai Đạo và Sĩ Tải Lợi.

“ Chào Trí Thanh, cùng mấy em.

LÂM tuyên đã ần mấy thu sang,
HƯƠNG đượm nhuần trắng đã ló màn.
THANH thủy châu về hườn kiếm báu,
Đề danh đến buổi đất nhà an.

Khai Đạo bạch :

- Đây hết buổi phong ba, đến hồi an tịnh. Vậy mà không sao. Mình muốn cho yên, trước phải loạn, sau mới yên được. Muốn nước đang đục lóng trong thì phải quấy trộn cho dữ mới lóng bùn được.

Đạo có khảo mới cao. Chức sắc bị khảo mà chịu nổi mới có giá trị. Học trò chịu khảo thí mới lãnh cấp bằng. Nếu từ chối thì rớt. Thế thường học nhiều đậu ít.

Còn nơi đây là Trường Công Quả, vậy vị nào muốn xứng đáng môn đệ của Đức Chí Tôn thì chẳng bao giờ ngần ngại các việc công quả, cho chung Thánh Thể Đức Chí Tôn, cũng do nơi mấy em đào tạo về mặt ngoại giao.

Vậy có câu : Ái nhơn, nhơn hành ái chi,
 Bất ái nhơn, nhơn hành bất ái chi.

Kính nhơn, nhơn hành kính chi,
Bất kính nhơn, nhơn hành bất kính chi.

Có cảm mới có ứng. Nên hiểu lọc lừa đi cho khéo, đồ cho trúng thời đắc chí sở nguyện.
Tâm vững, cầm lái chạy qua bể ngạn. Tuy sóng to gió lớn, lượn sóng xuôi sẽ chạy, miễn rằng
ngó phía trước thuyền, tránh cho lẹ những đồ vật ngăn cản.
Sĩ Tài Lợi bạch :

- Sợ không quen sóng gió, buồn mưa. Nếu có mưa thì uống nước chanh . Minh ăn phủ bì chúng
nó mà.

- Em Thái Khý Thanh, nhờ mới để bộ râu nên vuốt râu thả môi câu chúng nó. Nó mắng nghĩ
nhìn bộ râu, quên cả sự nghiệp, đành chịu phọt phe.

Ước mong sao mấy vị trong đám cầm cờ chỉ nẻo Cửu Trùng đồng phun râu, chúng nó mới kinh
hãi.

Qua mừng và khen tặng Chú Khách này làm gương cho kẻ Việt.

Nam Hải Prasey ấy vẫn gần,
Hai đàn buổi trước lại đồng thân.
Nhớ nhau khuyên nhủ đôi lời tặng,
Cùng bạn khi xưa lúc ở trần.

THĂNG

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YỂM TRỢ
Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo
Liên lạc: banthedao@googlegroups.com

GIỚI THIỆU

Trân trọng giới thiệu quý Huynh Tỷ Đệ Muội:

1*-Đại Học Cao Đài Online (ĐHCĐO):

Hiện có 20 Bài Giáo Lý cho Cấp 1 “Bước Đầu Học Đạo”

2*- Ẩm Thực Chay: Hiện có 18 món ăn chay - có hướng dẫn cách nấu nướng

3*- Hạnh Đường: Các tài liệu giáo lý các khóa hạnh đường - Các tài liệu giáo lý
khóa 2004 - khóa 2008 Ban Thế Đạo Hải Ngoại vv

Xin quý HTĐM vui lòng vào trang Web [www. banthedaohaingoi.org](http://www.banthedaohaingoi.org)

Mọi liên lạc cộng tác, góp ý xin vui lòng liên lạc banthedao@googlegroups.com

Thành thật cảm ơn quý HTĐM

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



I-* - HỘ PHÁP GIÁNG LINH (Vía ĐHP 10-4-Tân Sửu)

Ngự Mã Thiên Quân giáng cõi trần,
Kỳ Ba mở Đạo thọ Thiên Ân.
Tam Thiên thế giới ¹ cầm cương
chuyển;
Bát Phẩm Chơn Hồn ² định vị nâng.
Hộ Pháp xử ma xây Thánh Đức,
Thần Thông nường thế lập Tân Dân.
Long Hoa trường thí trau Tam Lập;
Khẩn nguyện Tôn Sư hỗ trợ Thần.

Hoàn Nguyên-San Jose

HQA 1

Lễ Kỷ Niệm Đức Hộ Pháp

*Đức Ngài vốn Ngự Mã Thiên Quân
Hộ Pháp, Tôn Sư, nhất tại trần
Đại Đạo Hoằng Khai phò vạn kiếp
Tam Kỳ Phổ Độ cứu muôn dân
Ngũ chi phục nhứt, thiên cơ chép
Nhị Hữu Hình Đài chấp chưởng nâng
Lễ kỷ niệm, Long Hoa bố đức
Tôn Sư trọng Đạo Phật Tiên, Thần...*

Mai Xuân Thanh May 04, 2021

1- ĐHP: số văn đáng lẽ là: “Nam mô Tam Thiên Thế giới Hộ Pháp giáng linh”

2- Bát phẩm chơn hồn là Bát Bộ trong “Tam châu Bát Bộ HP Thiên Tôn”.



HQA 2

Giáng Ma Hộ Pháp

*Ngự Mã Thiên Quân Đức Thánh Thần
Thiên Liêng chiếu xuống thọ Thiên Ân
Giáng Ma Hộ Pháp cầm giềng mối
Nhị hữu hình Đài quyền rộng nâng
Phổ Độ Kỳ Ba Thầy Đại Xá
Khá tu cho kịp giống Tân Dân
May duyên hữu hạnh đừng lay chuyển
Bát Bộ Tam Châu độ kiếp trần....*

Yên Hà (4/5/2021)

II- LỄ VÍA ĐỨC THÍCH CA

NHƯ LAI CHÁNH PHÁP

Vía Đức Thích Ca (08-4-Tân Sửu)



*Như Lai thị hiện cõi ta bà,
Giáo thuyết Nhơn duyên gốc Phật gia.
Chơn lý Tír Đề thân nghiệp khổ;
Chỉ đường Bát Chánh sáng tâm ra.
Hai ngàn chung lập thiền môn pháp ¹,
Sáu ức hồi qui cực lạc nhà ².
Nhị Trán Quan Âm thay Thích Đạo;
Tam Kỳ chuyển Pháp độ Tăng già.*

Hoàn Nguyên - San Jose

HỌA 1

***- THÍCH CA PHẬT TỔ**

Trần gian cảnh khổ chốn ta bà

1- Đạo Phật sau hơn 2000 năm chánh pháp thì Cao Đài ra đời theo câu đối tại chùa Từ Lâm năm 1926

2- Đạo Phật độ được 6 ức nguyên nhân

Thái Tử Đạt Đa chọn xuất gia
Giải thoát loài người phương khổ hạnh
Con đường chính đạo khởi tìm ra
Như Lai đắc quả vang nhân loại
Cảm ứng hào quang toả mọi nhà
Nhân quả luân hồi truyền chánh pháp
Thích Ca Phật Tổ chuyển Tăng già

Yên Hà (4/5/2021)

HỌA 2

Vía Đức Phật Thích Ca

*Bồ Tát Quan Âm đố Phật Bà
Oai Nghiêm Nhị Trán Đạo Kỳ Ba
Thích Ca, Lễ Vía cơ duyên đến...
Đại Đạo Hoằng Khai, Chánh Pháp ra
Tam Giáo qui nguyên, cùng một mối
Ngũ Chi phục nhất lại chung nhà
Cao Đài Lễ Vía, Tư Mừng Tám
Chơn Giáo Tam Tông, Phật Thích Ca*

Mai Xuân Thanh (May 04, 2021)

III- NGÀY LỄ MẸ 2021



USA MOTHER'S DAY

Một đóa hồng nhung mừng Lễ Mẹ
Con cài ngực trái nhớ ơn sâu
Cù lao bú mớm nuôi sinh khó
Cúc dục cưu mang dưỡng dạy lâu
Ấu yếm thân thương khi tắm bé
Nâng niu trịu mến thuở ban đầu
Nam Sơn, từ mẫu cao huyền diệu
Đông Hải, song thân rộng nhiệm mầu

Mai Xuân Thanh (April 30, 2021)

THƠ HỌA

ĐÓA BẠCH HỒNG.

Hồng bạch trên tay, con nhớ mẹ
Nhiều năm nghĩa rộng đón tình sâu
Cù lao sóng tũn như khô cạn
Núi Thái mưa buồn tưởng động lâu
Mẹ ở Sa Pa ngày tết cuối
Con vô Bến Nghé buổi giang đầu
Tháng năm ôm nỗi sầu thiên mệnh
Sương khói thời xưa nhuộm bạc màu

Cao Mỹ Nhân (Hawthorne 30 /4 /2021)

NHỚ MẸ

Mười ba năm chẵn, còn đâu Mẹ
Chín chữ cù lao, nghĩa thấm sâu
Giọt lệ hoen mi, hồn giá lạnh
Hoa hồng trắng áo, dạ buồn đau
Cánh cò lặn lội thân hôm sớm
Di ảnh mờ phai dáng buổi đầu
Hiu quạnh hồn cô, tình mẫu tử
Bao lần viếng mộ, cỏ thay màu

Thanh Trương

NGÀY LỄ MẸ

Sắp đến hàng năm Ngày của Mẹ
Viếng nơi chôn cất nhớ tình sâu
Mười ngày chín tháng mang bầu nặng
Dưỡng dục công ơn tấm bé lâu
Niên thiếu đầu đời người dẫn dắt
Thành niên vùng vẫy bến giang đầu
Lung linh khói tỏa bầu nhang khói
Mẹ ứng âm dương tỏ phép màu

Chung Văn (30/4/2021)

MOTHER'S DAY NHỚ MẸ

Ở tận phương trời con nhớ mẹ,
Cù lao cúc dục nghĩa ân sâu.
Bảy mươi năm lẻ đâu là ngắn,
Hai vạn ngày hơn đã quá lâu.
Thiên hữu tứ thời xuân đứng trước,
Nhân sanh bách hạnh hiếu làm đầu.
Muốn về thăm mẹ vì cô-vít,
Mỹ Việt hai nơi, tóc bạc mầu !

Đỗ Chiêu Đức (Lễ Mẹ 2021)

NHỚ MẸ

Khó thể mờ phai hình ảnh Mẹ
Dù người khuất mộ lạnh từ lâu
Sương đêm lệ đầm mang tình nặng
Bóng hạ mi nhòa chất nghĩa sâu
Kỷ niệm khi xưa thời trắng áo
Hành trang lúc ấy thuở xanh đầu
Công ơn dưỡng dục như trời bể
Dãi nắng dầm mưa đến bạc đầu

**Minh Thuý Thành Nội
(Tháng 5/1/2021)**

KÍNH MẸ

Làm sao đếm hết công ơn mẹ?
Nói mấy cho vừa nghĩa nặng sâu?
Ngẫm lại đời người không mấy thuở
Suy cùng, một kiếp...có bao lâu?
Nuôi con ngày tháng trôi... mờ mắt
Dạy trẻ, thời gian ... đến bạc đầu
Hoa trắng, áo cài dăng kính mẹ
Hương sen tỏa sắc giữa muôn màu...!

Hồng Vân (Bạc Liêu 1/5/2021)

MẪU TỬ TÌNH THÂM

Kính cẩn cúi đầu mừng Lễ Mẹ
Công ơn phụ mẫu khắc thâm sâu
Đẻ đau, mang nặng con ghi nhớ
Tối sớm chăm lo cực nhọc lâu
Thao thức đêm trường canh giấc ngủ
Tình thương chan chứa lúc ban đầu
Mẹ ơi ! Con nhớ từng giây phút
Mẫu tử tình thâm phép nhiệm màu....

Yên Hà (1/5/2021)

THƯƠNG KÍNH MẸ

Khắc mãi trong lòng thương kính Mẹ
Tiếng Bà nhỏ nhẹ đã hằng sâu
Mừng vui hạnh giới thường khen suốt
Trách phạt con khờ chẳng giận lâu
Dẫu mặc lời chê đừng nản chí
Dù cho sóng cuộn ngẩng cao đầu
Còn thêm báu vật luôn hoài giữ
Mũ tím người đan vẫn đẹp màu!

Như Thu (05/01/21)

NHỚ MẸ

Thắp nén hương trầm, con khấn Mẹ
Ân tình hiền mẫu quá thâm sâu
Bao năm vất vả, lưng khòm đáng
Những buổi lo toan, tóc trắng đầu
Sức khỏe chăm nuôi luôn khởi sắc
Tâm hồn rèn giũa mãi tươi màu
Tiếc rằng mẹ đã không còn nữa
Để cháu con còn phụng dưỡng lâu

Sông Thu (2/05/2021)

NGÀY LỄ MẸ

Sung sướng cho ai còn có Mẹ
Bông hồng cài áo nhắc ân sâu.
Lo con sơ khởi vui -sau, trước
Dưỡng trẻ lớn khôn trải- rộng, lâu
Hạnh phúc bé cười, ôm bế trọn...
Ngây ngô tươi sáng ái khơi đầu
Vàng trắng tròn lộng tình từ mẫu
Hương tỏa liên hoa sắc ngọt màu.

Đặng Xuân Linh (02-05-2021)

NHỚ ƠN MẸ

Hồng trắng cho ai đã mất mẹ,
Nỗi niềm tủi phận lại thêm sâu!
Những mong hiếu trả,thời không muộn
Hằng đợi ơn đền,dịp chẳng lâu.
Cách biệt,buồn thương hoa úa sắc,
Xa xôi,nhung nhớ nắng phai mà
Nào quên dưỡng dục từ xanh tóc,
Âu yếm,bao che tới bạc đầu!

Thanh Hoà

NGÀY HIỀN MẪU

*“Ngày Hiền Mẫu” đến Mẹ nơi đâu?
Thấp nén tâm hương nhớ nghĩa sâu
Tình vốn bao la luôn bất tận
Công ôi rộng lớn mãi dài lâu
Ai lo suốt buổi con đau bệnh?
Ai thức thâu đêm trẻ ốm đau?
Rồi lẽ Vô Thường sao tránh khỏi
Mẹ về cõi Phật, thọ ân mẫu...*

Duy Anh (05/03/2021)

TƯỞNG NHỚ MẸ HIỀN

*Nhớ tới Mẹ yêu ngân lệ sầu,
Tâm hương tưởng niệm khóe mi sâu...
Nắng mưa bởi trẻ quên cam khổ;
Năm tháng vì con quản ngấn lâu.
Chín chữ cù lao ghi tạc dạ,
Muôn kinh cúc dục hiếu làm đầu.
Giòng đời bay nhảy đâu từ mẫu?
Được mộng kêu sương tợ phép màu!*

Hoàn Nguyên

San Jose (May 5th 2021)

THƯƠNG CHA NHỚ MẸ

*Nhớ Mẹ, lòng ghi tình đượm thắm
Thương Cha, trí tạc nghĩa bền lâu
Cù lao sánh tựa trời non Thái
Cúc dục so cùng đáy biển sâu
Mẹ mớm câu thơ hồn tuổi bé
Cha cho tiếng hát giấc mơ đầu
Sáu đường, ba cõi con đi suốt
Chưa đến Phật môn học phép màu...*

Lý Đức Huynh (4/5/2021)

NGÀY CỦA MẸ

*Rộn rã nơi nơi ngày của Mẹ
Con nào quên được nghĩa ân sâu
Ly gia từ đó xa đàng đẵng
Biệt xứ bây giờ cách quá lâu
Dưỡng dục công trời ghi tạc dạ
Sinh thành đức bể nhớ nằm đầu
Nhịn ăn nhịn mặc chừa cho trẻ
Hiền mẫu tình thương rực sắc màu*

Phương Hoa (May 5th 2021)

NHỚ MẸ (Họa Hoán Vận)

*Mười bảy năm trời vẫn nhớ Mẹ
Lòng còn khắc khoải khóc tình sâu
Sinh thành nghĩa nặng tô thâm nét
Dưỡng dục ân cao khắc đậm màu
Hoa quả đơn sơ ngân ngấn lệ
Khói hương trang trọng quấn quanh đầu
Tây Phương Bến Giác, con cầu
nguyện*

Từ Mẫu miên trường hưởng phúc lâu

Thanh Song Kim Phú (CA May/9/2021)

NGÀY 9 THÁNG NĂM

*Đưa bé ngày nào hay quấy Mẹ
Chờ viên kẹo bột chợ vùng sâu
Cháo khoai từng bát chưa quên vị
Vỡ dó nhiều trang vẫn giữ màu
Công chuyện đang tìm đèn cái phận
Niềm đau chụp đến trắng tang đầu.
Hận lòng mang nỗi đời không hiếu
Ru vông lời người mãi nhớ lâu.*

Trần như Tùng

THÁNH THẤT CAO ĐÀI GEORGIA

X X X

PHÂN ƯU



Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Hiên thê của HT Lê Văn Nghiêm ngụ tại Stone Mountain Tiểu Bang Georgia - Hoa Kỳ là:

ĐẠO HỮU PHAN THU THỦY

Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1939 (Kỷ Mão)
tại Xã Vĩnh Lợi Tỉnh Bạc Liêu - Việt Nam

Đã quy vị lúc 12 giờ 15 phút chiều ngày 22-4-2021 (nhằm ngày 11 tháng 3 năm Tân Sửu)
tại Bệnh Viện Emory Decatur - Decatur Tiểu bang Georgia - Hoa Kỳ.

Hưởng thượng thọ 82 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng HT Lê Văn Nghiêm và tang gia hiếu quyến

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh Cố Đạo hữu Phan Thu Thủy sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Tri Sự Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài Georgia .
Ban Nhạc, Lễ, Đồng Nhi và Thanh Niên thuộc Thánh Thất Georgia .
Đồng Đạo Cao Đài Thánh Thất Georgia